



BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
(Dành cho cán bộ xã hội cấp cơ sở)

CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO

Hà Nội, năm 2016

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa là tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội; song song với tăng trưởng kinh tế phải tập trung cho giảm nghèo, trợ giúp các đối tượng yếu thế. Nhằm thực hiện quan điểm trên, Chính phủ đã phê duyệt Đề án Phát triển nghề Công tác xã hội giai đoạn 2010 – 2020 với mục đích nâng cao nhận thức của toàn xã hội về nghề Công tác xã hội; xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội đủ về số lượng, đạt yêu cầu về chất lượng gắn với phát triển hệ thống cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại các cấp, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến.

Cùng với những chính sách, dự án của chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2010 – 2020, những kiến thức kỹ năng về công tác xã hội với người nghèo được xem là công cụ hỗ trợ tích cực cho cán bộ làm công tác xã hội với người nghèo, góp phần giải quyết các vấn đề riêng của từng người nghèo, hộ nghèo để họ có điều kiện vươn lên thoát nghèo. Do vậy cuốn tài liệu này được biên soạn nhằm cung cấp những kiến thức kỹ năng cần thiết đó.

Tài liệu được biên soạn với sự phối hợp của UNICEF, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, trường Đại học Lao động - Xã hội và những đóng góp chuyên môn của các nhà khoa học trong lĩnh vực này.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các địa phương, các cá nhân và đặc biệt là các cán bộ làm công tác xã hội cơ sở để giúp chúng tôi nâng cao chất lượng tài liệu cho lần tái bản sau.

CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI NGƯỜI NGHÈO	3
LỜI MỞ ĐẦU	6
BÀI 1. VẤN ĐỀ NGHÈO ĐỐI VÀ XÓA ĐỐI GIẢM NGHÈO	6
I. Khái niệm nghèo và một số khái niệm liên quan tới nghèo đói	6
1.1 Nghèo	6
1.2 Người nghèo	7
1.3 Hộ nghèo, xã nghèo và hộ cận nghèo	8
1.4. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang vùng ven biển và hải đảo	8
1.5 Chuẩn nghèo quốc gia	8
1.6 Chuẩn nghèo địa phương	8
II. Nghèo đói, Nguyên nhân dẫn đến nghèo đói và vấn đề của người nghèo	9
2. 1 Tình hình nghèo đói	9
2.2. Nguyên nhân nghèo đói	11
2.2.1 Nhóm nguyên nhân do điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội	12
2.2.2. Nhóm nguyên nhân do cơ chế chính sách	12
2.2.3. Nguyên nhân do bản thân người nghèo	12
2.3. Vấn đề của người nghèo	12
III. Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo	13
3.1. Chính sách trợ cấp xã hội	13
3.2. Chính sách hỗ trợ về y tế	13
3.3. Chính sách hỗ trợ giáo dục	13
3.4. Chính sách hỗ trợ học nghề	14
3.5. Chính sách tín dụng ưu đãi	14
3.6. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường	15
3.7. Chính sách hỗ trợ người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, lâm ngư và hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề	15
3.8. Chính sách đối với 62 huyện nghèo	15
3.9. Dịch vụ xã hội	16
IV. Mô hình giảm nghèo và vai trò của nhân viên xã hội	16
4.1. Một số mô hình giảm nghèo trên Thế giới	16
4.1.1. Các mô hình giảm nghèo tại Mỹ	16
4.1.2 Mô hình giảm nghèo tại Ấn độ	17
4.1.3. Mô hình giảm nghèo tại HongKong	18
4.1.4. Mô hình giảm nghèo tại Brazil và Mexico	19
4.2. Một số mô hình giảm nghèo ở Việt Nam	20
4.3. Vai trò của Nhân viên xã hội	22
BÀI 2. TRỢ GIÚP NGƯỜI NGHÈO TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGUỒN LỰC, CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI	24
I. Vấn đề tiếp cận thông tin, chính sách, nguồn lực và dịch vụ xã hội của người nghèo	24
1.1. Sự tham gia và thực trạng về việc tiếp cận thông tin và các loại nguồn lực	24

1.2. Nguyên nhân	26
1.2.1. Từ bản thân người nghèo	26
1.2.2. Từ xã hội, những cá nhân có vai trò trong cộng đồng (lãnh đạo cộng đồng)	26
II. Các hoạt động trợ giúp người nghèo tiếp nhận thông tin, chính sách, nguồn lực và dịch vụ xã hội	27
2.1. Tăng cường sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng của người nghèo	27
2.1.1. Với bản thân người nghèo	27
2.1.2. Thay đổi môi trường để tăng cường sự tham gia của người nghèo	28
2.2. Hỗ trợ kết nối nguồn lực	29
2.2.1. Khả năng tiếp cận và huy động nguồn lực của người nghèo	29
2.2.2. Các hoạt động hỗ trợ kết nối nguồn lực cho người nghèo	29
2.3. Biện hộ/ vận động chính sách	35
2.3.1. Ở góc độ bảo vệ quyền cho người nghèo	34
2.3.2. Ở góc độ vận động chính sách	35
2.3.3. Chu trình vận động chính sách	36
BÀI 3. GIÁO DỤC THAY ĐỔI NHẬN THỨC	40
I. Các hoạt động giáo dục cộng đồng	41
1.1. Tư vấn	41
1.1.1. Vai trò của hoạt động tư vấn đối với thay đổi nhận thức	41
1.1.2. Cách thức tư vấn	41
1.2. Hỗ trợ tâm lý	42
1.2.1. Vai trò của hoạt động hỗ trợ tâm lý	42
1.2.2. Các bước và một số lưu ý khi hỗ trợ tâm lý	42
1.3. Tuyên truyền	44
1.3.1. Ý nghĩa của tuyên truyền	44
1.3.2. Các phương pháp tuyên truyền	44
1.3.3. Các bước thực hiện truyền thông qua các cuộc họp nhóm	45
1.3.4. Một số yêu cầu trong truyền thông nhóm	46
Bài 4. PHÁT HUY NỘI LỰC CỘNG ĐỒNG	48
I. Ý nghĩa của phát huy nội lực cộng đồng	48
II. Các hoạt động phát huy nội lực	49
2.1. Nhân tố tiềm năng	49
2.2. Phát hiện và Xác định nhân tố tiềm năng	50
2.3. Xây dựng năng lực cho nhân tố tiềm năng và năng lực cộng đồng	50
2.3.1. Hướng dẫn tổ chức tập huấn	51
2.3.2. Hỗ trợ phương pháp thúc đẩy sự tham gia bằng thảo luận nhóm	53
2.3.3. Phương pháp xây dựng các dự án Phát triển cộng đồng	57
Tài liệu tham khảo	65

BÀI

VẤN ĐỀ NGHÈO ĐÓI VÀ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

I. KHÁI NIỆM NGHÈO VÀ MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN TỚI NGHÈO ĐÓI

Đói nghèo là nỗi bất hạnh và là điều khó có thể chấp nhận trong một thế giới văn minh có những thành tựu tiến bộ khoa học công nghệ với sự gia tăng đáng kể của cải vật chất xã hội. Đói nghèo diễn ra trên tất cả các Châu lục với những mức độ khác nhau, đặc biệt ở các nước đang phát triển, đói nghèo đang là một vấn đề nhức nhối cần phải tháo gỡ nhưng cũng vô cùng khó khăn trong khi thực hiện. Để hình thành các giải pháp hiệu quả trong giảm bớt sự nghèo đói, cần thiết có những cách hiểu đúng đắn và đồng bộ về những khái niệm liên quan tới đói nghèo.

1.1 Nghèo

Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư vẫn còn thiếu ăn, nhưng không đủ bữa, mặc không đủ ấm, nhà ở chủ yếu là tranh tre, không có hoặc không đủ các điều kiện để phát triển sản xuất, hoặc để tăng thu nhập và đáp ứng các nhu cầu về học tập, chữa bệnh cũng như các nhu cầu xã hội khác. Ba khía cạnh chủ yếu của người nghèo:

- Không được thụ hưởng những nhu cầu cơ bản tối thiểu dành cho con người;
- Có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng dân cư;
- Thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển cộng đồng.¹

¹ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011), Tài liệu tập huấn cán bộ XDGN xã, huyện, nxb Lao động-Xã hội

Định nghĩa mới của Ngân hàng Thế giới đề cập đến nghèo ở khía cạnh rộng hơn không chỉ là thiếu thốn điều kiện về vật chất mà còn là những vấn đề khác như giáo dục, sức khỏe hay khả năng dễ bị tổn thương. Theo tổ chức này, “Nghèo là khái niệm vượt khỏi phạm vi túng thiếu về vật chất; nghèo không chỉ gồm các chỉ số dựa trên thu nhập mà còn gồm các vấn đề liên quan đến năng lực như dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục, khả năng dễ bị tổn thương, không có quyền phát ngôn và không có quyền lực”.

1.2. Nghèo đa chiều

Quan niệm về nghèo đa chiều xuất phát từ việc tiếp cận thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người như ăn, mặc, học hành, khám chữa bệnh, nhà ở...; sự thiếu hụt một hoặc một số các nhu cầu đó được coi là nghèo.

Tiếp cận nghèo đa chiều cần đạt được 3 mục tiêu. Đó là: Đo lường (các chiều nghèo), giám sát nghèo và định hướng chính sách, xác định hộ nghèo cũng như xác định đối tượng thụ hưởng chính sách. Trong quá trình chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều, chuẩn nghèo đa chiều và chuẩn nghèo chi tiêu/thu nhập cần được sử dụng song song.

Chuẩn nghèo là thước đo, là tiêu chí để xác định đối tượng nghèo hay không nghèo: Bên cạnh chuẩn nghèo dựa vào thu nhập/chi tiêu được nhiều quốc gia sử dụng, trong đó có Việt Nam, nhằm làm cơ sở xác định đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp của nhà nước, hoặc chuẩn nghèo quy ra 1USD hoặc 2 USD (theo sức mua tương đương) là cách Ngân hàng thế giới đưa ra nhằm để so sánh mức độ nghèo đói giữa các quốc gia, chuẩn nghèo đa chiều là xu thế hiện nay người ta thay đổi các tiếp cận về nghèo.

- Đây chính là tiêu chí đo lường sự thiếu hụt các nhu cầu cơ bản của mỗi con người, phụ thuộc vào điều kiện phát triển cụ thể của mỗi quốc gia, trong từng giai đoạn nhất định.

Hiện nay, khái niệm nghèo đa chiều đang được các tổ chức quốc tế như UNDP, WB sử dụng để giám sát, đo lường sự thay đổi về mức độ tiếp cận nhu cầu cơ bản giữa các quốc gia, thông qua các chỉ số HDI (thu nhập, tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ) hay hiện nay là chỉ số MPI (chỉ số nghèo đa chiều); Chỉ số nghèo đa chiều đánh giá được một loạt các yếu tố quyết định hay những thiếu thốn, túng quẫn ở cấp độ gia đình: từ giáo dục đến những tác động về sức khỏe, đến tài sản và các dịch vụ. Theo OPHI và UNDP, những chỉ số này cung cấp đầy đủ hơn bức tranh về sự nghèo khổ sâu sắc so với các thang đo về thu nhập giản đơn. Thang đo này biểu lộ cả tính tự nhiên và quy mô của sự nghèo khổ ở các cấp độ khác nhau: từ cấp độ gia đình đến cấp độ khu vực, cấp độ quốc gia và cấp độ quốc tế. Cách tiếp cận đa chiều mới trong việc đánh giá mức độ nghèo khổ được điều chỉnh để sử dụng ở cấp quốc gia ở Mexico và hiện nay đang được xem xét áp dụng ở Chile và Colombia.

Việc tiếp cận đo lường nghèo đa chiều nhằm mục đích đánh giá một cách toàn diện hơn kết quả giảm nghèo của cả nước cũng như từng địa phương, làm cơ sở để ban hành các chính sách giảm nghèo phù hợp cho từng nhóm đối tượng, cũng như phân bổ ngân sách hợp lý, hiệu quả hơn;

Xu hướng đo lường nghèo đa chiều đã được nhiều quốc gia trên thế giới từng bước áp dụng (khoảng 20 nước), và được UNDP, WB khuyến cáo các quốc gia nên sử dụng thay vì đo lường nghèo đơn chiều².

1.3. Người nghèo

Người nghèo là những người có cuộc sống bấp bênh vì không tiếp cận các điều kiện vật chất và dịch vụ để có được một cuộc sống ấm no. Họ thiếu các điều kiện đảm bảo các nhu cầu tối thiểu của con người về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành và chăm sóc sức khỏe; tiếp cận với các kết cấu hạ tầng và các nguồn lực xã hội kém; thiếu tự tin và dễ bị tổn thương; ít có điều kiện tham gia vào các quyết định của địa phương và tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội. Để xác định người nghèo cần căn cứ vào sổ chứng nhận hộ nghèo. Người nghèo là người có tên trong sổ chứng nhận hộ nghèo/sổ theo dõi quản lý hộ nghèo.

1.4. Hộ nghèo, Xã nghèo và Hộ cận nghèo

Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân trên đầu người trên tháng ít hơn hoặc bằng chuẩn nghèo. Để xác định hộ nghèo còn phải căn cứ vào tình trạng nhà ở và giá trị tài sản và phương tiện sản xuất (nhà ở tạm bợ, tài sản không có giá trị, thiếu phương tiện sản xuất). Theo đó, xã nghèo là xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên, được xác định theo chuẩn nghèo hiện hành.

Theo tài liệu tập huấn cán bộ XĐGN xã, huyện (2011), hộ cận nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân trên đầu người trên tháng từ trên chuẩn nghèo đến tối đa bằng 130% chuẩn nghèo.³

1.5. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang vùng ven biển và hải đảo

Là các xã có vị trí ở vùng bãi ngang ven biển hoặc là các xã cồn, bãi, đầm phá, bán đảo, hải đảo và có đủ các điều kiện sau:

- Là các xã nghèo theo tiêu chí xã nghèo do Bộ LĐTBXH quy định tại Quyết định số 587/2002/QĐ-LĐTBXH ngày 22/5/2002 và không thuộc xã 135;
- Còn thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, tùy theo điều kiện cụ thể từng xã, bao gồm: bờ bao chống triều cường, kè, công trình thủy lợi, trạm bơm cấp nước biển cho nuôi trồng thủy sản, làm muối, đường ra bến cá, chợ cá⁴.

1.6. Chuẩn nghèo quốc gia

Ở nước ta, qua 6 lần công bố chuẩn nghèo đối tính theo thu nhập bình quân đầu người trên cơ sở là gạo hoặc tiền. Lần thứ 6 công bố vào năm 2011⁵. Thu nhập bình quân/đầu người/tháng. 400.000 đồng đối với khu vực nông thôn và 500.000 đồng đối với khu vực thành thị. Ngoài chuẩn nghèo trên, khi xác định hộ nghèo cần xem xét thêm về tình trạng nhà ở, đồ dùng sinh hoạt; tài sản và phương tiện sản xuất của hộ gia đình.

2 <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiettin.aspx?IDNews=20720>

3 Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011), Tài liệu tập huấn cán bộ XĐGN xã, huyện, NXH Lao động-Xã hội

4 Quyết định số 257/2003/QĐ-TTg ngày 03/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

5 QĐ 09/2011/QĐ-TTg, 30/01/2011, của Thủ tướng chính phủ áp dụng cho CT MTQGGN, giai đoạn 2011-2015.

1.7 Chuẩn nghèo địa phương

Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW có thể nâng chuẩn nghèo cao hơn so với chuẩn quốc gia nếu thỏa mãn 3 điều kiện sau đây:

- Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh/thành phố lớn hơn thu nhập bình quân đầu người của quốc gia;
- Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh/thành phố phải nhỏ hơn tỷ lệ nghèo của cả nước;
- Tự cân đối được nguồn lực để thực hiện các chế độ chính sách trực tiếp cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo.

II. NGHÈO ĐÓI, NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NGHÈO ĐÓI VÀ VẤN ĐỀ CỦA NGƯỜI NGHÈO

2. 1 Tình hình nghèo đói

Từ những ngày đầu thành lập nước (9/1945) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã coi đói nghèo là một thứ giặc trong ba thứ giặc (giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm) và đề ra nhiệm vụ phải “diệt”, tức là phải xóa bỏ để ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Tuy nhiên, nền kinh tế của ta chưa phát triển và cùng với nhiều nguyên nhân khác, nước ta vẫn còn một số bộ phận dân cư đang phải sống trong tình trạng đói nghèo. Từ năm 1986, đặc biệt là từ năm 1989 trở lại đây, thực hiện chính sách đổi mới và mở cửa của Đảng - Nhà nước, đất nước đã có những chuyển biến tích cực đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân ta đã được cải thiện đáng kể, đại bộ phận dân cư đã có cuộc sống ổn định, nhiều nhu cầu của con người được đáp ứng, nhân dân ta đã không chỉ có cơm no, áo mặc mà những nhu cầu về văn hoá tinh thần đã được đáp ứng. Theo số liệu điều tra tình trạng giàu nghèo của Tổng cục Thống kê (1993), cả nước có 51,7% gia đình tự đánh giá khá lên so với năm 1990; 30,7% gia đình có mức sống cải thiện một số mặt.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, vẫn còn một bộ phận dân cư sống trong tình trạng nghèo khổ, dưới mức sống trung bình của xã hội trong đó không ít gia đình rơi vào hoàn cảnh thiếu đói gay gắt. Đây là vấn đề cần được giải quyết cấp bách, đó không chỉ là vấn đề nhân đạo mà còn là một trong những mục tiêu hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm nâng cao mức sống cho mọi người dân để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Nhận thức được trách nhiệm đó, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương xoá đói giảm nghèo, nhằm động viên sức mạnh toàn Đảng, toàn Dân, tạo điều kiện giúp đỡ các hộ nghèo đói vượt qua khó khăn, tự vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo.

Nghị quyết V của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) đã nhấn mạnh “*Cùng với quá trình đổi mới, tăng trưởng kinh tế phải tiến hành công tác xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội, tránh sự phân hóa giàu nghèo quá giới hạn cho phép*” Chủ trương XĐGN là chủ trương rất đúng đắn và kịp thời của Đảng, Nhà nước, hợp với lòng dân nên được các cấp các ngành và toàn dân hưởng ứng thực hiện rộng rãi trong cả nước và bước đầu có kết quả. Từ 30% nghèo đói của năm 1991, đã giảm xuống còn 28% năm 1992 và 22% năm 1993⁶.

⁶ Theo chuẩn nghèo: TNBQ/ĐN < 15 kg gạo; điều tra 43/53 tỉnh, thành phố, của BLĐ-TBXH – Tổng cục Thống Kê.

Sau đó, Bộ LĐTBXH; Tổng cục Thống kê, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp - Thực phẩm đưa ra chuẩn mực để xác định đói nghèo thời kỳ 1993-1995 (công bố lần thứ I) theo chuẩn này, năm 1995 cả nước có: 2.595.518 hộ nghèo, chiếm 18,42% tổng số hộ cả nước; 716.184 hộ đói, chiếm 5,08% tổng số hộ cả nước. Theo chuẩn nghèo (lần II) 1996-1997, tỷ lệ nghèo đói giảm từ 20,3% cuối năm 1995 xuống 19,2% năm 1996 và 17,7% năm 1997.

Xóa đói giảm nghèo đã trở thành phong trào đều khắp ở các tỉnh, thành phố và hiệu quả của XĐGN thể hiện rõ. Song, diện đói nghèo vẫn còn nhiều, nên việc triển khai mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa chủ trương này đang là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của Đảng – Nhà nước ta. Đại hội VIII của Đảng đã xác định *“Xóa đói giảm nghèo là một trong những chương trình phát triển kinh tế - xã hội vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản lâu dài”*. Nghị quyết nhấn mạnh phải thực hiện tốt chương trình XĐGN, nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc. Xây dựng và phát triển quỹ XĐGN bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước; quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả. Mục tiêu XĐGN do Đại hội Đảng VIII đề ra là *“Giảm tỷ lệ đói nghèo trong tổng số hộ cả nước từ 20-25% hiện nay xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 ngàn hộ/năm. Trong 2-3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xóa cơ bản hộ đói kinh niên”*.

Đại hội đã đưa ra chủ trương xây dựng phong trào XĐGN trở thành Chương trình Mục tiêu quốc gia XĐGN nhằm nhanh chóng đưa các hộ đói nghèo thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, túng thiếu sớm hòa nhập với sự phát triển chung của đất nước cũng là thực hiện cam kết XĐGN tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới về Phát triển xã hội tại Copenhagen năm 1995. Chủ trương này đã được cụ thể trong nghị quyết Trung ương IV khóa VIII của Đảng ta.

Thực hiện chủ trương trên, năm 1998 Thủ tướng chính phủ ký Quyết định 133/1998/QĐ-TTg 23/7/1998. Phê duyệt CTMTQG XĐGN thời kỳ 1998-2000 (gọi tắt là chương trình 133); theo chuẩn mực nghèo của thông báo 1751/LĐBTXH, 20/5/97 (Chuẩn nghèo lần III).

Nhằm làm giảm sự cách biệt giàu-nghèo, nông thôn-thành thị. Thủ tướng chính phủ ký Quyết định 135/1998/QĐ-TTg 31/7/1998. Phê duyệt chương trình phát triển KT-XH các xã đặc biệt khó khăn (ĐBK).

Với sự chỉ đạo quyết liệt và sự hỗ trợ của chính phủ, sự cố gắng của các cấp các ngành, các địa phương, các tầng lớp dân cư và của chính bản thân người nghèo chương trình đã từng bước đạt được những mục tiêu đề ra.

Theo chuẩn nghèo công bố năm 1995, tỷ lệ hộ nghèo đói giảm nhanh từ 19,23% năm 1996 đến cuối năm 2000 còn 10,0%. Tỷ lệ nghèo đói trung bình mỗi năm giảm 2% (gần 300.000 hộ). Tổng cộng 5 năm qua giảm 1,5 triệu hộ nghèo tương đương 7,5 triệu người; riêng hộ đói kinh niên chiếm tỷ lệ gần 1% tổng số hộ cả nước.

Phát huy tác dụng mạnh mẽ của chương trình MTQG XĐGN thời kỳ 1998-2000, Thủ tướng chính phủ ký QĐ 143/2001/QĐ-TTg, 27/9/2001. Phê duyệt CTMT QG XĐGN và Việc làm giai đoạn 2001-2005. Tỷ lệ hộ nghèo từ 10,0% (2000) tăng lên 17,18% (đầu 2001). Sau 5 năm thực hiện; số hộ nghèo giảm từ 17,18% của năm 2001 xuống còn 6,53% năm 2005⁷.

⁷ Chuẩn nghèo theo QĐ 1143/2000/QĐ-TBXH 1/11/2000.

Phát huy tác dụng mạnh mẽ của chương trình MTQG XĐGN thời kỳ 2001-2005. Thủ tướng chính phủ ký QĐ 20/2007/QĐ-TTg, ngày 5/02/2007 Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 – 2010. Theo QĐ 170/2005/QĐ-TTg, ngày 8/7/2005, của Thủ tướng chính phủ) áp dụng cho chương trình mục MTQGGN, giai đoạn 2006-2010 tỷ lệ hộ nghèo từ 6,53% (2005) tăng lên 22% (đầu năm 2006) và đến cuối năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 9,45%.

Kết thúc chương trình 20, Chính phủ ban hành Nghị quyết 80/NQ-CP, 19/05/2011, về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo từ 9,45% (2010) tăng lên 14,20% (đầu 2011)⁸. Cả nước có 15 tỉnh, thành phố tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%, trong đó có 5 tỉnh, thành phố tỷ lệ hộ nghèo dưới 1% (T/p Hồ Chí Minh; Đà Nẵng; Khánh Hòa; Bà Rịa-Vũng Tàu và Bình Dương); 21 tỉnh từ 5% đến nhỏ hơn 10%; 10 tỉnh từ 10% đến nhỏ hơn 15%; 10 tỉnh từ 15% đến nhỏ hơn 20%; 04 tỉnh từ 20% đến nhỏ hơn 25% và 02 tỉnh tỷ lệ hộ nghèo trên 25%⁹.

Năm 2012, có 2.149.110 hộ nghèo, chiếm 9,6%. Tỷ lệ hộ nghèo phân theo vùng: miền núi Tây Bắc có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất là 28,552%; tiếp đến là miền núi Đông Bắc 17,39%; Bắc Trung bộ 15,01%; Tây Nguyên 15%; Duyên hải miền Trung 12,2%; đồng bằng sông Cửu Long 9,24%; đồng bằng sông Hồng 4,89%; và Đông Nam bộ vùng có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất là, 1,27%. Một số tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo còn cao như: Điện Biên 38,25%; Lai Châu 31,82%; Hà Giang 30,13%; Cao Bằng 28,22%; Yên Bái 29,23.

Kết quả điều tra cũng cho thấy, trên toàn quốc năm 2012 có 1.469.727 hộ cận nghèo, chiếm 6,57%. Tỷ lệ hộ cận nghèo phân theo vùng: vùng có tỷ lệ hộ cận nghèo cao nhất là Bắc Trung bộ 13,04%; vùng có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất là Đông Nam bộ 1,08%. Các vùng còn lại xếp theo thứ tự tỷ lệ hộ cận nghèo giảm dần là: miền núi Tây Bắc 11,48%; Duyên hải miền Trung 9,32%; miền núi Đông Bắc 8,92%; đồng bằng sông Cửu Long 6,51%; Tây Nguyên 6,19%; đồng bằng sông Hồng 4,58%.

Trong khi đó, hộ nghèo năm 2013 theo kế quả điều tra của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên cả nước còn 1.797.889 hộ nghèo (7,8%), giảm 1,8% so với năm 2012, hộ cận nghèo là 1.443.183 hộ (6,32%), giảm 0,25% so với năm 2012. Trong đó, miền núi Tây Bắc có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất với 25,86%, tiếp đến là vùng miền núi Đông Bắc với 14,81%; Tây Nguyên 12,56%; Bắc Trung Bộ 12,22%; Duyên hải miền Trung 10,15%; Đồng Bằng sông Cửu Long 7,41%; Đồng bằng sông Hồng 3,63%; Đông Nam Bộ 0,95%. 8 địa phương có tỷ lệ hộ nghèo thấp hoặc không còn hộ nghèo là: Thành phố Hồ Chí Minh (0%), Bình Dương (0%), Đồng Nai (0,66%), Thành phố Đà Nẵng (0,77%), Bà Rịa – Vũng Tàu (0,95%), Hà Nội (1,01%), Tây Ninh (1,67%), Quảng Ninh (2,42%). Tuy nhiên, một số tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo còn cao như: Điện Biên (35,22%), Lai Châu (27,22%), Sơn La (27,01%), Hà Giang (26,95%), Yên Bái (25,38%), Cao Bằng (24,2%)... Về số hộ cận nghèo, vùng có tỷ lệ hộ cận nghèo cao nhất là miền núi Tây Bắc (12,92%), tiếp đến là Bắc Trung Bộ (12,06%). Vùng có tỷ lệ hộ cận nghèo thấp nhất là Đông Nam Bộ 1,05%.

8 QĐ 09/2011/QĐ-TTg, 30/01/2011, Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015.

9 Báo cáo CTMTQGGN giai đoạn 2006-2010, 31/3/2010 - Cục BTXH

So sánh với năm 2013, kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2013 tại 64 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP cho thấy còn có những huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 60% như: Trạm Tấu, Mù Cang Chải (Yên Bái); Kỳ Sơn (Nghệ An); Nam Trà My (Quảng Nam), Tây Trà (Quảng Ngãi)... Từ những nỗ lực của Chính phủ và các địa phương đến cuối năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm từ 1,8-2%; riêng tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm bình quân 5% năm. Theo dự đoán, đến hết năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo chung cả nước sẽ hạ xuống dưới 5%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

2.2. Nguyên nhân nghèo đói

Đói nghèo là vấn đề kinh tế - xã hội, nó vừa là hậu quả do lịch sử để lại như hậu quả của các cuộc chiến tranh, chế độ thực dân... vừa là hệ quả của phát triển, như sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo, của các thảm họa thiên nhiên, các nạn đại dịch mang tính toàn cầu.

Nguyên nhân đói nghèo rất đa dạng, có những nguyên nhân đơn lẻ, nhưng cũng có những đan xen, quan hệ nhân quả với nhau. Ở nước ta, nghèo đói do các nguyên nhân chủ yếu sau:

2.2.1 Nhóm nguyên nhân do điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội

Việt Nam ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, tiếp giáp biển Đông, là quốc gia gồm 1 trong 5 ổ bão trên thế giới, cho nên hàng năm có hàng chục cơn bão trong đó có 2-3 cơn bão mạnh, lũ lụt, hạn hán, thời tiết thay đổi... gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản, hoa màu, cơ sở hạ tầng. Mặt khác, Việt Nam có $\frac{3}{4}$ diện tích là đồi núi; Đất đai cằn cỗi diện tích canh tác thấp; Địa dư rộng, địa hình phức tạp, xa xôi hẻo lánh, giao thông đi lại không thuận tiện, quan hệ thị trường chưa phát triển, cơ sở hạ tầng yếu kém, thời tiết khí hậu khắc nghiệt thường bị thiên tai bão lụt, sâu bệnh, hạn hán mất mùa...

Trình độ dân trí thấp, nhiều phong tục tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, tỉ lệ tăng dân số còn cao; Do sự cách biệt, cô lập với tình hình phát triển chung như đường giao thông, phương tiện thông tin, tiến bộ khoa học kỹ thuật, phúc lợi xã hội, không nói được ngôn ngữ chung của đất nước...

2.2.2. Nhóm nguyên nhân do cơ chế chính sách

Trải qua thời gian dài trong cơ chế bao cấp đã kìm hãm sự phát triển kinh tế; vì vậy, việc xóa bỏ cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường là đúng đắn, kịp thời. Song cơ chế mới, nhiều chính sách về kinh tế xã hội còn thiếu, chưa đồng bộ, trong đó chính sách đầu tư phát triển đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp - nông thôn; Các chính sách ưu đãi, khuyến khích, sản xuất, tạo việc làm, y tế, văn hoá, giáo dục; Chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng chưa thỏa đáng, nhất là ở các vùng núi, vùng cao, vùng sâu...

2.2.3. Nguyên nhân do bản thân người nghèo

Ngoài những tác động trên, vấn đề nghèo đói còn do yếu tố chủ quan của người nghèo như:

Thiếu vốn; thiếu kiến thức; thiếu thông tin về thị trường; thiếu đất; đông con, thiếu lao động; thất nghiệp; rủi ro, ốm đau, tai nạn; vướng vào tệ nạn xã hội.

Một bộ phận không nhỏ người nghèo, xã nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

Các nguyên nhân trên tác động qua lại lẫn nhau làm cho tình trạng nghèo đói trong từng vùng thêm trầm trọng, gay gắt...

2.3. Vấn đề của người nghèo

Xét từ nguyên nhân dẫn đến nghèo đói và thực trạng về cuộc sống của người nghèo, người nghèo gặp vô số vấn đề. Tuy nhiên, nhóm lại, có thể thấy, có một số vấn đề chính ở người nghèo cần được quan tâm để trợ giúp họ một cách hiệu quả. Đó là:

- Hạn chế trong tiếp cận nguồn lực, dịch vụ, chương trình và các chính sách
- Hạn chế về vấn đề nhận thức
- Thiếu kiến thức và kỹ năng cần thiết để đối phó với những rủi ro trong cuộc sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, để thích ứng kịp với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

III. CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢM NGHÈO

Để trợ giúp người nghèo vượt qua những khó khăn trước mắt, Nhà nước đã đưa ra một loạt các chính sách thuộc các lĩnh vực an sinh như: chính sách trợ cấp xã hội, hỗ trợ y tế, chính sách hỗ trợ giáo dục, hỗ trợ hỗ trợ học nghề, chính sách ưu đãi chính sách hỗ trợ đất ở, sản xuất, nước sinh hoạt, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường, chính sách hỗ trợ người nghèo làm ăn khuyến nông, lâm ngư và hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề, ngoài ra có những chính sách dành riêng cho 62 huyện nghèo và các dịch vụ xã hội.

3.1. Chính sách trợ cấp xã hội

- Chính sách trợ cấp xã hội thường xuyên cho trẻ em mồ côi; người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo;
- Chính sách trợ giúp đột xuất: Những người, hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra. Ngoài khoản trợ cấp nêu trên, nếu hộ gia đình thuộc diện nghèo sẽ được xem xét trợ giúp thêm các khoản sau cho đến khi hộ thoát khỏi diện nghèo: Miễn, giảm học phí cho người đang học văn hoá, học nghề; được cấp thẻ bảo hiểm y tế hoặc khám chữa bệnh miễn phí tại các cơ sở chữa bệnh của Nhà nước; được vay vốn ưu đãi để phát triển sản xuất.

3.2. Chính sách hỗ trợ về y tế

Thông tư liên tịch số 09/2009/TTLT-BYT-TC ngày 14/8/2009 của liên Bộ Y tế - Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế. Theo quy định thì các đối tượng: (i) người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng là các đối tượng quy định tại Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ với những sửa đổi vào ngày 27/2/2010 hướng dẫn về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; (ii) người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi được gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và trẻ em là con của người đơn thân. (iii) người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; (iv) Trẻ em dưới 6 tuổi,

được Nhà nước hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT và được hưởng các chế độ về chăm sóc y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, Trợ cấp để mua thuốc chữa bệnh thông thường; riêng người nhiễm HIV/AIDS được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội mức 250.000 đồng/người/năm;”

3.3. Chính sách hỗ trợ giáo dục

- Quyết định số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống GD-ĐT quốc dân và Thông tư hướng dẫn 54/1998/TTLT Bộ GD&ĐT và Bộ Tài chính ngày 31/8/1998 hướng dẫn thực hiện thu, chi và quản lý học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc hệ thống GD&ĐT quốc dân quy định giảm 50% học phí cho học sinh, sinh viên là con hộ nghèo (riêng học sinh tiểu học được miễn học phí theo Luật giáo dục).
- QĐ số 1121/1997/QĐ-TTg ngày 23/12/1997 của TTg về học bổng và trợ cấp xã hội với học sinh, sinh viên các trường thuộc đào tạo công lập.
- Thông tư số 53/1998/TTLT/Bộ GD&ĐT - Bộ Tài chính và Bộ LĐ-TB&XH hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập, quy định học sinh sinh viên con hộ nghèo hưởng mức trợ cấp xã hội và được hưởng học bổng khuyến khích.
- Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên quy định học sinh, sinh viên con em hộ cận nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng chính sách xã hội.
- Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010- 2011 đến năm học 2014 - 2015. Theo đó, học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo được miễn giảm học phí.
- Ngoài các chính sách trên, học sinh con em hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp khác, được cấp sách giáo khoa và học phẩm theo Nghị định 88/2001/NĐ-CP ngày 22/11/2001 của Chính phủ về phổ cập giáo dục Trung học cơ sở.

3.4. Chính sách hỗ trợ học nghề

- Thông tư số 102/2007/TTLT/BTC-Bộ LĐTBXH ngày 20/8/2007 của liên bộ Tài chính-Bộ LĐ-TBXH hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.
- Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Theo đó, lao động nông thôn thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác được hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn.

3.5. Chính sách tín dụng ưu đãi

- Đối tượng của chính sách là hộ nghèo, người nghèo, người sản xuất kinh doanh ở những xã khó khăn, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác.
- Nội dung chính sách cho vay ưu đãi theo hình thức tín chấp, mức vay được điều chỉnh qua từng thời điểm từ 3 triệu đồng/hộ lên mức 7 triệu và 10 triệu đồng/hộ và lãi suất ở mức 0,5% và 0,6%, đồng thời giảm 15% ở khu vực III.
- QĐ 62/2004/QĐ/TTg, 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng về cấp nước sạch vệ sinh môi trường cho hộ nghèo, xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn.
- Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn (cấp xã) được quy định tại QĐ số 30/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.
- Quyết định số 32/2007/ QĐ/TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về cho vay vốn sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn có mức thu nhập bằng <50% mức thu nhập bình quân hộ nghèo có phương án sản xuất.

3.6. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nhà ở, nước sạch, vệ sinh môi trường

- Quyết định số 134/2004/ QĐ/TTg ngày 29/7/ 2004 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số đời sống khó khăn.
- QĐ số 146/2005/QĐ/TT, 15/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách thu hồi đất sản xuất của các nông, lâm trường để giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo. QĐ số 07/2007/QĐ-TTg, 4/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 146/2005/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng.
- Quyết định số 74/2008/QĐ/TTg ngày 9/6/2008 về một số chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2008-2010.
- Quyết định số 167/2008/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/12/ 2008 về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở .
- QĐ số 112/2007/QĐ/TTg, 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân thuộc CT 135 giai đoạn II.

3.7. Chính sách hỗ trợ người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, lâm ngư và hỗ trợ sản xuất phát triển ngành nghề

- Thông tư số 01/2007/TT/BNN ngày 15/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện dự án và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc và miền núi thuộc chương trình 135 giai đoạn II 2006-2010 và Thông tư số 79/2007/TT/BNN ngày 20/9/2007 bổ sung một số nội dung Thông tư 01/2007, quy định hộ nghèo được hỗ trợ.

- Thông tư liên tịch số 102/2007/ TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với một số dự án của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, trong đó quy định hộ nghèo, người nghèo được hỗ trợ.
- QĐ 74/2008/QĐ/TTg, 9/6/2008, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo vùng đồng bằng sông Cửu Long, không có đất sản xuất muốn chuyển đổi nghề, tạo việc làm.
- Ngoài chính sách riêng đối với người nghèo, hộ nghèo còn được hưởng một số chính sách chung về phát triển kinh tế, chuyển đổi ngành nghề theo Nghị định 66/2006/NĐ-CP ngày 7/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

3.8. Chính sách đối với 62 huyện nghèo

- Đối với các huyện có tỷ lệ nghèo cao trên 50%, Chính phủ đã có Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, trong đó quy định cơ chế, chính sách, giải pháp đặc thù đối với các huyện nghèo về hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập; chính sách giáo dục, đào tạo, dạy nghề, nâng cao dân trí; chính sách cán bộ đối với các huyện nghèo và các chính sách, cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng ở thôn, bản, xã và huyện.

3.9. Dịch vụ xã hội

Ngoài các chính sách, Nhà nước còn thúc đẩy một loạt các dịch vụ xã hội nhằm giúp các công dân trong xã hội có thể xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn bằng sự độc lập về kinh tế, sự khẳng định quyền con người được hòa nhập và tham gia vào thị trường lao động cũng như các hoạt động cộng đồng, xã hội. Các DVXH phổ biến là là hoạt động đáp ứng nhu cầu của cá nhân và cộng đồng để nâng cao năng lực có việc làm và khả năng hội nhập xã hội nhằm đảm bảo các giá trị chuẩn mực xã hội được thừa nhận.

Dịch vụ xã hội bao gồm: (i) chính sách hội nhập xã hội (hỗ trợ giáo dục, y tế ...); (ii) dịch vụ dân sinh tại cộng đồng (tiếp cận nước sạch, điện, đào tạo nghề, cơ hội việc làm tại địa phương, ...); (iii) các chương trình trợ giúp xã hội.

IV. MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO VÀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN XÃ HỘI

4.1. Một số mô hình giảm nghèo trên Thế giới

4.1.1. Các mô hình giảm nghèo tại Mỹ

Trong năm 2010, có tới 15,1% dân số sống trong nghèo đói. Tỷ lệ hộ nghèo trong năm 2010 là tỷ lệ hộ nghèo cao nhất kể từ năm 1993. Từ 1993 đến năm 2000, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đều giảm, đạt 11,3% vào năm 2000.

Nghèo đói là một trong những thực tế không thể chối cãi của đời sống Mỹ. Gần như tất cả mọi người đều thấy rằng với một đất nước giàu có như Hoa Kỳ, điều này đặt ra một thách thức đặc biệt là đối với những trường hợp trẻ em sống trong nghèo đói. Xã hội Mỹ được xác nhận là một nền đạo đức mang tính chủ nghĩa cá nhân mạnh mẽ, trong đó mọi người phải chịu trách nhiệm cho phúc lợi của riêng mình. Và vì thế, nhiều người có thể cảm thấy rằng phân phối lại giàu nghèo là vi phạm quyền lợi của người dân, vì họ được phép làm những gì họ thích với tài sản riêng của họ. Tuy nhiên, điều này vẫn có vẻ bất công (ngay cả đối với những người ủng hộ mạnh mẽ chủ nghĩa cá nhân) khi mà nhiều

trẻ em phải chịu sự đói nghèo kế thừa từ cha mẹ của chúng, như vậy rõ ràng chúng không đáng phải chịu trách nhiệm cho hoàn cảnh của mình, vì vậy hầu hết mọi người đều tin rằng cần phải có điều gì đó được thực hiện để thay đổi vấn đề đó.

Trước những năm 60 của thế kỷ trước, chương trình quan trọng nhất được thực hiện để xóa đói giảm nghèo ở Hoa Kỳ là hưu trí, cung cấp thông qua an sinh xã hội. An sinh xã hội là một chương trình đạt nhiều thành công. Khởi đầu rất khiêm tốn trong năm 1930 như là một trong những cải cách của New Deal, đến cuối thế kỷ 20, đã gần như loại bỏ đói nghèo ở người cao tuổi, đặc biệt là sau khi chương trình chăm sóc y tế cho người cao tuổi được bổ sung vào những năm 60. Cũng có một số chương trình hướng đến trẻ em, nhưng bị ảnh hưởng xấu bởi nguồn tài trợ hoặc các tiêu chuẩn đặt ra, hiển nhiên là không đi đến thành công.

Vào những năm 60, một phần của chương trình nghiên cứu “Bức tranh toàn cảnh xã hội” (“Great Society”) đã có những nỗ lực để giải quyết vấn đề nghèo đói. Lyndon Johnson tuyên bố một “cuộc chiến chống đói nghèo” và đưa ra một loạt các sáng kiến mới. Điều quan trọng nhất trong số này được gọi là “Viện trợ cho những gia đình có trẻ em lệ thuộc”. Chương trình này khi kết hợp với cung cấp tem phiếu thực phẩm, trợ giúp y tế và các loại trợ cấp về nhà ở đã có một tác động tích cực về tiêu chuẩn sống của trẻ em nghèo, ngay cả khi nó không giúp loại bỏ được sự nghèo đói triệt để. Đây là chương trình đã được biết đến dưới cái tên “Phúc lợi”.

Những lý lẽ họ đưa ra khá đơn giản: bằng cách chu cấp cho người nghèo như một sự “bổ thí”, các chương trình phúc lợi tạo ra sự lệ thuộc hơn là quyền tự chủ và tự gánh trách nhiệm. AFDC chu cấp cho phụ nữ độc thân với việc khuyến khích họ có con ngoài hôn nhân để có được các khoản thanh toán phúc lợi, và do đó hệ thống cũng làm suy yếu gia đình. Từ lý do không đặt điều kiện về sự giới hạn thời gian và công việc, AFDC tạo ra một nền văn hóa thụ động và vô trách nhiệm.

Và trên hết, phe bảo thủ lập luận, phúc lợi tạo ra kẻ hở cho (người nghèo) gian lận, giống như tặng những chiếc Cadillac cho “những nữ hoàng phúc lợi” để họ sống tốt hơn nhiều so với các công chức ăn lương làm việc chăm chỉ. Nhiều người (thuộc đảng) tự do cũng không hài lòng với chương trình. Một số chương trình quá chặt chẽ và vẫn còn trẻ em trong cảnh nghèo đói. Những người khác cảm thấy rằng cấu trúc cụ thể của chương trình này có tác dụng tiêu cực mà họ gọi là “bẫy nghèo”: Chỉ dành cho những người có thu nhập dưới mức quy định đủ điều kiện được nhận các chương trình phúc lợi, và như thế bạn sẽ bị mất quyền lợi của mình nếu như bạn có được thu nhập trên ngưỡng đó, các chương trình không tạo ra sự khuyến khích mọi người cố gắng nâng cao thu nhập từ việc làm.

Nắm bắt được điều này, các nhà hoạch định chính sách ở Mỹ đã đưa ra 1 loạt chương trình, cùng sự hỗ trợ của những nhân viên CTXH chuyên nghiệp, nhằm khuyến khích và thúc đẩy người nghèo năng động hơn trong tiến trình giảm nghèo. Cụ thể là nếu họ không tiếp cận các dịch vụ giới thiệu việc làm và không làm việc thì họ sẽ không nhận được tiền trợ cấp (trừ những trường hợp người nghèo không còn khả năng lao động). Như vậy ít nhất người nghèo cũng phải kiếm được một công việc được trả lương hơn là ăn không ngồi rồi. Và họ sẽ chủ động hơn cũng như làm giảm được gánh nặng cho Nhà nước.

4.1.2. Mô hình giảm nghèo tại Ấn Độ

Chính phủ Ấn Độ cung cấp một mô hình mới bao gồm kế hoạch phát triển thành phố và xây dựng chính sách cộng đồng, dựa vào cách giải quyết những vấn đề có liên quan. Đây là điều quan trọng giúp các thành phố đặt ra những thể chế nhằm đáp ứng tốt yêu cầu quản lý đô thị.

Đây là điều cần thiết giúp chính quyền đô thị chuyển dịch các chính sách quốc gia và các chương trình thành hành động cụ thể. Một trong những biện pháp cần thiết giúp xóa đói giảm nghèo bền vững là phân cấp và xây dựng năng lực ở cấp địa phương trực thuộc Trung ương. Xóa đói giảm nghèo đòi hỏi thay đổi quan điểm và phát triển kỹ năng ở cả các quan chức chính phủ cũng như các quan chức ở địa phương trực thuộc Trung ương. Họ cần phải coi người nghèo là đối tác của họ, chứ không phải “cai trị”.

Vai trò của cán bộ thành phố trực thuộc Trung ương tạo điều kiện thuận lợi cho việc tạo ra các cơ chế hỗ trợ ở cấp địa phương. Các kỹ năng có tính chất kỹ thuật và quản lý cần phải được tăng cường. Các thành phố và chính quyền đô thị có vai trò lớn trong việc tạo ra sự khác biệt đối với các Mục tiêu thiên niên kỷ (từ mục 1 đến mục 7): Về dịch vụ giáo dục và y tế, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện sống của cư dân khu ổ chuột, cũng như cung cấp một biện pháp quản trị mạnh mẽ hỗ trợ thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ cho từng vùng thông qua quy hoạch, quy trình chiến lược, và sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Theo Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ 8, các mối quan hệ cộng đồng, chính quyền địa phương, quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, Liên Hợp Quốc và các tổ chức của họ sẽ thúc đẩy việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ ở cấp địa phương, củng cố sự liên kết giữa chính quyền cấp quốc gia và chính quyền địa phương, tăng cường tư bản tư nhân và tăng cường quản lý nhà nước cho người nghèo. Hai yếu tố này có vai trò cực kỳ quan trọng để địa phương phân cấp và quản lý đô thị tốt.

Phân cấp dân chủ địa phương là phương pháp quan trọng giúp nâng cao tiến trình dân chủ. Các chính quyền địa phương phải có thiện chí chính trị và khả năng hành chính để thực hiện các nguyên tắc quản trị tốt trong từng trường hợp cụ thể, minh bạch trách nhiệm của họ, và có sự tham gia của công dân trong việc ra quyết định. Vì vậy, chìa khóa cần thiết cho xóa đói giảm nghèo bền vững là phân cấp và xây dựng năng lực ở cấp địa phương trực thuộc Trung ương, đây là điều rất quan trọng giúp thành phố đưa ra cơ cấu tổ chức đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị tốt.

4.1.3. Mô hình giảm nghèo tại HongKong

Chuyển sang bối cảnh là một địa phương (trực thuộc Trung Quốc), Hồng Kông là một thành phố hiện đại có kinh nghiệm tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Hiện nay, các chỉ số kinh tế của thành phố cho thấy một nền kinh tế mạnh mẽ với tiêu chuẩn sống cao. (Li, 2006) Tuy nhiên, trong bối cảnh này, sự chênh lệch giữa người giàu và người nghèo cũng ngày càng rộng hơn. Dân số thuộc diện nghèo tăng cao và các tiêu chuẩn sống của người nghèo thì tiếp tục xấu đi (ATV, 2005). Dựa trên dữ liệu thống kê điều tra dân số và nghiên cứu của Chính phủ cùng các tổ chức phi chính phủ, tình trạng đô thị nghèo ở Hồng Kông xấu đi, và cần nhanh chóng có biện pháp để giải quyết những vấn đề này thông qua các đánh giá và cải tiến những chính sách hiện hành.

Các biện pháp giảm nghèo của Chính phủ từ lâu đã được gắn liền với chính sách xã hội, cung cấp một mạng lưới an ninh an toàn xã hội, cung cấp hỗ trợ tài chính và thúc đẩy sự

linh hoạt xã hội lớn hơn cho người nghèo. Tuy nhiên, bất chấp những biện pháp này, tình trạng nghèo đói vẫn liên tục diễn biến xấu. Năm 2000, lo ngại bởi sức ép mạnh mẽ từ xã hội, lần đầu tiên trong lịch sử Hồng Kông, Chính phủ Hong Kong (HKG) công bố công khai rằng thành phố đang phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng đói nghèo.

Năm 2007, một báo cáo nghiên cứu của Ủy ban nghèo đói (RCoP), đã phân tích tình trạng nghèo đói và chỉ ra rằng (Chính phủ) đang thiếu các biện pháp chính sách để khắc phục hậu quả. Một danh sách kiến nghị đã được đề xuất để Chính phủ xem xét xây dựng các chính sách mới cho xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn còn phải trải qua một quá trình thảo luận kỹ càng để xác định tính khả thi, lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp đã được đề xuất. Ủy ban nghèo đói phản ánh thực tế rằng có một cuộc khủng hoảng đói nghèo, và mới chỉ gần đây vẫn là mối đe dọa nghiêm trọng đối với chính phủ.

Với tình trạng trên, chính phủ đã thành lập Ủy ban về đói nghèo (CoP), bao gồm đại diện từ tất cả các lĩnh vực trong xã hội, để tiến hành một cuộc nghiên cứu nhằm tìm hiểu tình trạng đói nghèo và cung cấp các giải pháp làm thế nào để giải quyết cuộc khủng hoảng. Nghiên cứu chỉ ra rằng việc xóa đói giảm nghèo cần tăng cường năng lực và có sự tham gia, hợp tác của những cán bộ ở cấp độ địa phương thuộc những ban ngành khác nhau để đối phó với những vấn đề nghèo đa dạng. Sau khi ứng dụng cách tiếp cận này thì đã có những tín hiệu tích cực trong lĩnh vực giảm nghèo.

4.1.4. Mô hình giảm nghèo tại Brazil và Mexico

Brazil đã trở thành nước bình đẳng nhất thế giới về thu nhập. Tuy nhiên ngày nay, mức độ bình đẳng này đã giảm nhanh hơn bất kỳ quốc gia nào khác. Từ năm 2003 – 2009, thu nhập của người nghèo ở Brazil đã tăng 7 lần, bằng với thu nhập của người giàu trong nước. Trong thời gian này, tỉ lệ giảm đói đã giảm mạnh, từ mức 22% dân số xuống còn 7%. Khác với Mỹ, từ năm 1980 – 2005, hơn 4/5 thu nhập tăng thêm của cả nước đổ vào túi của 1% người giàu. Những người công nhân nghèo và trung lưu ở Mỹ sản xuất ra càng ngày càng nhiều của cải, nhưng thu nhập của họ không tỉ lệ thuận với điều đó. Nếu các xu hướng này tiếp tục, Mỹ sẽ trở thành nước bất bình đẳng về thu nhập hơn cả Brazil. Phá vỡ cái vòng luẩn quẩn đói nghèo. Nhờ đâu mà Brazil đạt được kết quả như vậy? Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra thành quả đáng kinh ngạc này. Nhưng một phần lớn là nhờ một chương trình xã hội duy nhất hiện đang làm thay đổi cách các nước trên thế giới giúp đỡ người nghèo. Chương trình đó tại Brazil mang tên Bolsa Familia (tạm dịch là đại gia đình), và có thể mang nhiều tên gọi khác. Ở Mexico, khi chương trình đầu được phổ biến rộng rãi ra toàn quốc và đạt kết quả tương tự như Brazil trong xóa đói giảm nghèo, người ta đã đặt cho nó cái tên là Opportunities (tức là Cơ Hội). Đặc điểm chung của chương trình này là chuyển giao tiền mặt cho người nghèo một cách có điều kiện. Các hộ gia đình nghèo được vay tiền định kỳ nếu họ đạt được một số tiêu chí. Ví dụ họ phải đảm bảo cho con đi học và khám sức khỏe thường xuyên, các bà mẹ phải tham gia các buổi thảo luận về các chủ đề như dinh dưỡng và phòng chống dịch bệnh. Thường thì phụ nữ là người đứng ra vay tiền bởi họ hầu như là người luôn chi trả các khoản tiền trong gia đình. Ý tưởng của chương trình này là chống đói nghèo hôm nay trong khi phá vỡ cái vòng luẩn quẩn của nghèo đói vào ngày mai. Tại Mexico, chương trình Oportunidades ngày nay đáp ứng cho 5,8 triệu hộ gia đình, khoảng 30% dân số nước này. Một gia đình tham gia chương trình Oportunidades có một con đang học tiểu học và trung học sẽ đáp ứng đủ điều kiện để nhận khoản trợ cấp tổng cộng 123 USD/ tháng. Các học sinh cũng có thể nhận tiền học bổng do nhà

trường và những em kết thúc bậc trung học đúng thời gian sẽ được trợ cấp một lần là 330 USD.

Bolsa Familia, với những tiêu chí đòi hỏi tương tự nhưng là chương trình quy mô hơn nhiều. Các chương trình cho vay có điều kiện đã bắt đầu trước thời tổng thống Luiz Inacio Lula da Silva, nhưng ông đã củng cố nhiều chương trình khác nhau và mở rộng chúng. Đến nay, khoảng 50 triệu hộ gia đình ở Brazil, chiếm ¼ dân số, đã được tham gia chương trình này. Các gia đình nghèo được hưởng mức trợ cấp hàng tháng khoảng 12 USD cho mỗi con nhỏ dưới 15 tháng tuổi đang đi học, tối đa ba con. Và có thể nhận thêm 19 USD/tháng cho mỗi con 16 – 17 tuổi đang đi học, tối đa 2 con. Ngoài ra những gia đình nào đang sống trong ngưỡng cực nghèo được nhận một khoản tiền là 40 USD mà không cần điều kiện khác. Có thể tổng của các khoản tiền này là nhỏ, nhưng một gia đình đang sống trong cảnh cực nghèo ở Brazil được nhân đôi thu nhập khi đạt tới mức cơ bản. Rõ ràng, Bolsa Familia đã giúp giảm tỉ lệ nghèo đói tại Brazil.

Chương trình này đã giảm nghèo đói theo hai hướng. Một là: trực tiếp đưa tiền cho người nghèo. Việc này phải vận hành tốt và đảm bảo tiền không bị đánh cắp hoặc lạm dụng. Brazil và Mexico đã rất thành công trong việc chỉ cho các đối tượng nghèo tham gia. Tại hai quốc gia này, tình trạng nghèo đói đã giảm hẳn, đặc biệt là những người cực nghèo, và đang bắt đầu thu hẹp khoảng cách giàu – nghèo. Mục đích khác của chương trình là đảm bảo cho trẻ em được giáo dục và chăm sóc sức khỏe. Đây là mục đích dài hạn hơn và cũng khó đong đếm được. Tuy nhiên có thể thấy các chương trình cho người nghèo vay có điều kiện ở Mexico và Brazil giúp người ta khỏe hơn, và đảm bảo trẻ em được đến trường. Ngày nay tại Mexico, tình trạng suy dinh dưỡng, thiếu máu và còi cọc đã giảm mạnh, thể hiện ở tỉ lệ mắc bệnh ở trẻ em và người lớn. Tỷ lệ chết trong bào thai hoặc sơ sinh cũng giảm. Trong khi đó, biện pháp ngừa thai ở khu vực nông thôn đã được tăng cường, tỷ lệ trẻ vị thành niên mang thai ngoài ý muốn giảm hẳn. Nhưng hiệu quả lớn nhất có thể nhìn thấy được là giáo dục. Trẻ em tham gia Oportunidades bị đúp ít hơn và được đi học nhiều hơn. Số lao động trẻ em cũng giảm. Tại các khu vực nông thôn, tỷ lệ trẻ em bước vào bậc trung học cơ sở tăng 42%. Đăng kí vào các trường cấp ba ở nông thôn tăng tới 85%. Các tác động mạnh nhất trong giáo dục có thể thấy rõ trong các gia đình mà người mẹ chỉ được học để biết chữ. Đặc biệt người thổ dân bản địa Mexico có những lợi ích đặc biệt khi đi học. Một lợi ích khác của chương trình cho người nghèo vay tiền đối với toàn xã hội, đó là giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bởi người được thụ hưởng đều phải tiêu tiền, họ dùng số tiền đó để mua cái mà người hàng xóm nghèo của họ làm ra và bán. Họ cũng sử dụng chúng như một dạng tín dụng nhỏ để khởi công sự nghiệp kinh doanh của mình.

4.2. Một số mô hình giảm nghèo ở Việt Nam

Được Ngân hàng Thế giới đánh giá là một trong những nước có nhiều thành tựu trong lĩnh vực giảm nghèo, Việt Nam đã và đang áp dụng nhiều mô hình giảm nghèo bao gồm nhiều các dịch vụ công tác xã hội. Mô hình xoá đói giảm nghèo tại Việt Nam được khái quát theo các nhóm chủ yếu như sau:

- Mô hình phát triển kinh tế hộ từ mục tiêu tạo việc làm tăng thu nhập, an ninh lương thực XĐGN đến phát triển sản xuất theo hệ sinh thái (VAC, VACR... mang tính sản xuất hàng hóa)
- Mô hình kinh tế trang trại phát triển theo hệ sinh thái trên cơ sở phát triển theo thế mạnh sản phẩm hàng hóa đã được xây dựng và ngày càng phát triển, tạo ra những vùng chuyên canh, sản phẩm hàng hóa đặc sản, truyền thống.

- Mô hình phát triển kinh tế tập thể xoá đói giảm nghèo, trên cơ sở hình thành các tổ, nhóm hộ giúp đỡ nhau làm ăn phát triển sản xuất, giúp nhau lúc khó khăn là lành đùm lá rách, như tổ tín dụng tiết kiệm, tổ hỗ trợ vay vốn, tổ người nghèo giúp nhau làm ăn, mô hình được các tổ chức hội, đoàn thể xây dựng và phát triển rộng rãi với hàng chục triệu hội viên tham gia.
- Mô hình phát triển làng nghề truyền thống, xây dựng thương hiệu sản phẩm, mở rộng việc làm, tăng thu nhập, làm giàu, như mô hình liên hoàn nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm ở các xã bãi ngang ven biển, làng nghề thủ công mỹ nghệ, làng nghề khu ven đô, khu công nghiệp,...
- Mô hình phát triển cộng đồng xoá đói giảm nghèo bền vững (mô hình lan toả), giải quyết nguyên nhân bức xúc nhất của tình trạng nghèo đói của hộ nghèo, xã nghèo về nhận thức, kiến thức làm ăn để tạo bước đột phá mở đường thực hiện tiếp các giải pháp giải quyết nguyên nhân nghèo đói khác để xoá đói giảm nghèo bền vững theo phương thức tự cứu.
- Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với hộ, xã phát triển vùng nguyên liệu, với nội dung giúp hộ nghèo về vốn, trợ giúp kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm, giúp xã nghèo về cơ sở hạ tầng nhỏ phát triển vùng nguyên liệu để xoá đói giảm nghèo.
- Mô hình trao quyền sở hữu bền vững các công trình cơ sở hạ tầng, với hình thức giao cho hộ đồng bào dân tộc nhận duy tu bảo dưỡng đường bộ ở các tỉnh miền núi góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo.
- Mô hình xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên cộng đồng, cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo kiêm khuyến nông viên thôn bản cầm tay chỉ việc giúp hộ nghèo thoát nghèo.
- Mô hình khuyến khích hộ nghèo thoát nghèo với hình thức hỗ trợ một phần lãi suất để tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng của người nghèo và tiếp tục cho hộ thoát nghèo được hưởng các chính sách: tín dụng ưu đãi, y tế, giáo dục nhằm đảm bảo tính bền vững xoá đói giảm nghèo.
- Mô hình hỗ trợ người nghèo về nhà ở;
- Mô hình hỗ trợ người nghèo về y tế;
- Mô hình hỗ trợ con hộ nghèo về giáo dục;
- Mô hình bạn giúp bạn, hội giúp hội viên vượt lên số phận, khắc phục khó khăn xoá đói giảm nghèo.
- Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở những địa bàn nghèo, đặc biệt khó khăn;
- Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo, truyền thông, giám sát và đánh giá.
- Mô hình xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên cộng đồng, cán bộ làm công tác xoá đói giảm nghèo kiêm khuyến nông viên thôn bản cầm tay chỉ việc giúp hộ nghèo thoát nghèo.
- Gần đây nhất, tổ chức ActionAid và Oxfam tại Việt Nam đã triển khai mô hình giảm nghèo đô thị thông qua "Theo dõi nghèo theo phương pháp cùng tham gia" Đến nay mô hình vẫn được tiếp tục thực hiện. Cụ thể, ActionAid và Oxfam phối

hợp với các đối tác địa phương thực hiện tại 3 phường/xã. thuộc thành phố Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh trong tháng 7/2011. Tại mỗi địa phương, một nhóm nòng cốt sẽ được thành lập nhằm theo dõi tình hình nghèo tại địa bàn. Nhóm nòng cốt gồm đại diện các cơ quan, ban ngành tại chính địa phương đó và nhóm có nhiệm vụ thu thập các thông tin liên quan đến nghèo.

Nhìn chung, các mô hình giảm nghèo ở Việt nam đã bao gồm nhiều dịch vụ công tác xã hội. Tuy nhiên, còn thiếu một số dịch vụ trực tiếp cho người nghèo như dịch vụ tham vấn trực tiếp cho người nghèo, dịch vụ vận động người nghèo tham gia xây dựng chính sách. Do công tác xã hội chưa được công nhận rộng rãi là một nghề, vì vậy mà vai trò của NVXH cũng chưa được thể hiện một cách rõ nét trong từng mô hình giảm nghèo ở Việt Nam.

4.3. Vai trò của Nhân viên xã hội

Nhân viên xã hội (NVXH) là người được đào tạo chuyên môn về công tác xã hội (CTXH). Trong thực hành nghề nghiệp, họ sử dụng những kiến thức kỹ năng làm việc ở các cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng nhằm tạo ra sự thay đổi về thái độ nhận thức, tăng cường năng lực cho mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng để có khả năng tự giải quyết vấn đề. NVXH phải đảm bảo phương pháp tiếp cận dựa trên quyền, lấy thân chủ làm trọng tâm, nâng cao năng lực và trao quyền, thúc đẩy thay đổi xã hội, tạo sự công bằng cho mọi nhóm đối tượng.

Làm việc với gia đình nghèo, NVXH thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Cung cấp dịch vụ xã hội cụ thể: Đưa ra nhiều hoạt động khác nhau như tư vấn, tham vấn, hướng dẫn cách làm ăn, phát triển kinh tế hộ gia đình, tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa tinh thần, hỗ trợ kết nối tới các dịch vụ khám chữa bệnh và học tập và các dịch vụ xã hội khác phù hợp với nhu cầu của đối tượng, trang bị các kỹ năng để họ có thể sử dụng các nguồn hỗ trợ một cách hiệu quả.
- Kết nối dịch vụ: NVXH phối hợp với tổ chức của mình, quan hệ với các nguồn hỗ trợ khác để huy động nguồn lực, kết nối (nhân lực, vật lực, tài lực) trong cộng đồng và ngoài cộng đồng, kết nối thực hiện các chính sách phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu của người nghèo, hộ nghèo, giải quyết vấn đề của đối tượng.
- Giáo dục: Xây dựng niềm tin trong cuộc sống, NVXH trực tiếp làm công tác giáo dục cho người nghèo gặp các vấn đề về tệ nạn xã hội, hoặc có thái độ chấp nhận số phận, mất niềm tin, thiếu ý chí vượt qua khó khăn; Nâng cao năng lực cho cán bộ liên quan ở cộng đồng, thành viên các gia đình nghèo để họ tự giải quyết các vấn đề phát sinh, vượt qua hoàn cảnh khó khăn thông qua các hoạt động truyền thông tại các nhóm gia đình và cộng đồng nghèo.
- Biện hộ: NVXH làm công tác xã hội với người nghèo phải am hiểu và cập nhật kịp thời những chính sách, luật pháp trong lĩnh vực giảm nghèo để cùng người nghèo, đại diện cho người nghèo, hộ nghèo yêu cầu các tổ chức, đơn vị thực hiện đầy đủ các quyền lợi chính đáng và hợp pháp nhằm đảm bảo quyền lợi cho đối tượng.
- Hỗ trợ tâm lý: Cùng cá nhân giải quyết các vấn đề tâm lý, tình cảm, xã hội giúp các thành viên phục hồi và thực hiện tốt các chức năng của mình, hỗ trợ phục hồi tâm lý.
- Tư vấn cá nhân và nhóm: hoạt động của NVXH là giúp đối tượng tự lập và có khả năng tự quyết, giúp đối tượng đưa ra các giải pháp khác nhau để đối tượng cân

nhắc, lựa chọn giải pháp thích hợp với mình hoặc đưa ra quyết định đúng đắn trong việc giải quyết vấn đề của chính mình.

- Quản lý trường hợp: làm việc với những hộ nghèo gặp nhiều khó khăn và cần có sự trợ giúp lâu dài để họ có thể khắc phục vượt qua hoàn cảnh nghèo khó của mình. Trong phương pháp này, NVQLTH sẽ tập trung nhiều vào việc điều phối, hỗ trợ kết nối các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu, giải quyết vấn đề cho gia đình.
- Thành lập và (hỗ trợ) điều phối nhóm: NVXH tiếp cận các nhóm hoặc thành lập các nhóm tương trợ để hỗ trợ giải quyết vấn đề của người nghèo, hộ nghèo theo nhiều phương pháp như trang bị thông tin kiến thức để thay đổi nhận thức, những kỹ năng để giải quyết các vấn đề mà họ đang quan tâm, hỗ trợ tâm lý cho các nhóm có những khó khăn trong các mối quan hệ và mâu thuẫn chính trong bản thân...
- Hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng nghèo: với vai trò là tác viên cộng đồng, NVXH hỗ trợ tìm kiếm những nhân tố tích cực và có ý tưởng đổi mới trong cộng đồng để nâng cao năng lực cho họ bằng trang bị các kiến thức kỹ năng cần thiết khi làm việc với cộng đồng, cách thức thu hút sự tham gia của người dân trong các hoạt động xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát các hoạt động cộng đồng. Qua đó, cộng đồng được tăng cường năng lực và tiến tới một cộng đồng phát triển bền vững.

Trong tất cả các hoạt động trợ giúp người nghèo, NVXH cần tuân thủ việc thúc đẩy sự tham gia của họ. Bài 2,3,4 tiếp theo sẽ trình bày về các nội dung cơ bản của NVXH trong trợ giúp người nghèo, cụ thể: bài 2: Hỗ trợ người nghèo tiếp cận nguồn lực, chính sách dịch vụ; bài 3: Truyền thông nâng cao nhận thức, và bài 4: Phát huy nội lực giải quyết vấn đề cộng đồng

BÀI

TRỢ GIÚP NGƯỜI NGHÈO TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGUỒN LỰC, CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

I. VẤN ĐỀ TIẾP CẬN THÔNG TIN, CHÍNH SÁCH, NGUỒN LỰC VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI CỦA NGƯỜI NGHÈO

1.1. Sự tham gia và thực trạng về việc tiếp cận thông tin và các loại nguồn lực

Hoạt động cộng đồng là những hoạt động chung của mọi người trong một cộng đồng nhằm để duy trì và phát huy hơn những gì vốn đã tốt đẹp, loại trừ và thay đổi những điểm tiêu cực nhằm xây dựng cộng đồng đó thành một cộng đồng phát triển hơn so với hiện tại, đáp ứng nhu cầu của mọi nhóm. Trong quá trình tham gia vào hoạt động chung, người dân được cung cấp thông tin, nâng cao được sự hiểu biết, tăng cường được năng lực về cách thức giải quyết vấn đề cộng đồng. Tuy nhiên, trong thực tế, sự tham gia của các nhóm đặc thù trong cộng đồng không phải như nhau. Với đặc điểm tâm lý mặc cảm tự ti về bản thân, khó khăn về nguồn lực, khó khăn trong di chuyển, hạn chế trong giao tiếp, người nghèo thường tự rút lui khỏi các hoạt động cộng đồng. Họ ngại hoặc không tham gia vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các phong trào đoàn thể, các chương trình mà do các hội, đoàn thể trong địa phương tổ chức hoặc các chương trình thuộc các cấp cao hơn. Nhiều hộ, vì nghèo đói, họ lấy nhiều lý do như là cái cớ để trốn tránh và bắt con cái không được tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng. Càng rút lui khỏi những hoạt động, họ càng tự đứng ra ngoài lề và càng dễ tổn thương. Thế hệ tiếp theo của họ ngày càng xa rời các nhóm trong cộng đồng và xã hội.

Người nghèo vì nghèo thường tự rút lui khỏi các hoạt động cộng đồng. Do ít hoặc không tham gia, người nghèo nhanh chóng trở nên lạc hậu so với sự thay đổi nhanh chóng của cộng đồng và xã hội ở mọi khía cạnh: thông tin, chính sách, khoa học kỹ thuật, các dịch vụ xã hội. Đã có nhiều chương trình dự án dành cho người nghèo,

nhưng người nghèo không biết, nhiều chính sách ra đời và thay đổi điều chỉnh để đáp ứng phù hợp với các nhóm yếu thế, tăng cường an sinh cho họ; Nhiều quyết định của cộng đồng không có sự tham gia của người nghèo trong đó.

Quan điểm dân chủ cơ sở được Đảng và Nhà nước đề cao trong mọi hoạt động của cộng đồng nhằm thúc đẩy sự tham gia của người dân, tiến tới một xã hội công bằng và văn minh. Có nghĩa là, thông qua sự tham gia người dân, mọi nhóm đối tượng đều có cơ hội được tiếp cận các thông tin và cơ hội nguồn lực. Thông qua sự tham gia, họ được quyền có phản hồi về các chương trình chính sách dịch vụ hiện có đang được thực thi. Tuy nhiên, để quan điểm này thực sự được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày đòi hỏi phải tạo ra được sự thay đổi về nhận thức và tăng cường năng lực của cả người dân và chính quyền địa phương. Sự thay đổi này vừa là yếu tố để thúc đẩy dân chủ cơ sở hiệu quả nhưng đồng thời cũng là kết quả của tiến trình này.

Sự tham gia của người nghèo vào các hoạt động cộng đồng có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển cải thiện cuộc sống về đời sống vật chất và tinh thần của họ vì:

- Sự tham gia sẽ giúp người nghèo cập nhật các thông tin liên quan tới bản thân và cả cộng đồng;
- Sự tham gia sẽ giúp nâng cao năng lực;
- Sự tham gia giúp tăng cường tính dân chủ cơ sở vì nó thể hiện sự minh bạch trong mọi hoạt động cộng đồng;
- Sự tham gia bộc lộ quyền con người được thực hiện tốt (được thuộc về nhóm, có quyền trong xã hội nơi họ sinh sống...);
- Tham gia để khẳng định sự hiện diện của bản thân trong cộng đồng và xã hội, giúp cho mọi người nghe được tiếng nói của mình;
- Sự tham gia giúp nhu cầu được nhận diện;
- Sự tham gia giúp bộc lộ năng lực, phát huy được hết tiềm năng.

Trong bối cảnh Việt Nam khi có nhiều dự án đang làm việc với người nghèo, người nghèo phải được tham gia để thực hiện và giám sát cả tiến trình liên quan tới người nghèo. Vì trong thực tế phát triển cộng đồng, “Sự tham gia của cộng đồng” là giá trị cũng như điều kiện tiên quyết cho thành công của hoạt động PTCD.

Sự tham gia của cộng đồng có thể xem như là một quá trình thông tin hai chiều liên tục nhằm khuyến khích và huy động mọi hiểu biết, nhận thức của cộng đồng về quá trình và cơ chế, qua đó các vấn đề môi trường, nhu cầu môi trường được các cơ quan có trách nhiệm đầu tư giải quyết. Nó cung cấp thông tin về trạng thái, tiến trình nghiên cứu, thực thi và các hoạt động đánh giá dự án. Quá trình này thu hút sự đóng góp và cảm nhận của mọi công dân về đối tượng, yêu cầu cũng như sở thích có liên quan đến sử dụng tài nguyên, các phương án thay thế hoặc chiến lược quản lý đối với dự án trước khi ra quyết định cuối cùng.

Tóm lại, thúc đẩy sự tham gia của người nghèo trong hoạt động cộng đồng là trách nhiệm của mọi công dân, lãnh đạo cơ sở trong hoạt động giảm nghèo vì khi lôi kéo được sự tham gia của họ, năng lực của người nghèo được tăng cường, sức mạnh tập thể được tăng lên, tạo ra sự thay đổi tích cực cho cộng đồng.

Sự tham gia được chia thành nhiều cấp độ gồm: được biết, được nói, được tham vấn, được thảo luận, bàn bạc, được cho ý kiến và đưa ra các giải pháp/quyết định, được cùng tham gia thực hiện các giải pháp/quyết định đó và được giám sát việc thực hiện. Sự tham gia của người nghèo cao nhất hiện nay hầu như đang dừng ở cấp độ cho ý kiến. Đó là việc họ có thể được cung cấp thông tin, được xin ý kiến. Tuy nhiên, để được cùng bàn luận và ra quyết định về giải pháp thì chưa phải nhóm người nghèo nào cũng được khích lệ và tạo điều kiện để thực hiện tốt.

1.2. Nguyên nhân

Hạn chế về tiếp cận thông tin, chính sách, các chương trình dịch vụ của người nghèo xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Những nguyên nhân này có thể nhóm thành 2 nhóm: (1) từ chính bản thân người nghèo và (2) từ môi trường xã hội, đặc biệt là những lãnh đạo địa phương.

1.2.1. Từ bản thân người nghèo

- Mặc cảm tự ti, tự kì thị khiến người nghèo coi mình, tách biệt khỏi xã hội, tự rút lui không muốn tham gia vào các hoạt động giao lưu với cộng đồng, xã hội;
- Thiếu kỹ năng: do nghèo đói không có điều kiện để giao lưu tương tác, hạn chế trong giáo dục, học tập, thiếu hụt các kỹ năng mềm dẫn đến ngại giao lưu, tương tác với cộng đồng xã hội.
- Tư tưởng an bài, bằng lòng, chấp nhận cuộc sống hiện tại, phó mặc cho số phận nên không có tư tưởng tiến thủ do vậy không dành giật lấy cơ hội cũng như đòi hỏi quyền lợi của mình về chính sách, chương trình dịch vụ.
- Thiếu hiểu biết về ý nghĩa của các chính sách, chương trình và dịch vụ đối với đáp ứng nhu cầu và giải quyết vấn đề.
- Do không có đủ phương tiện, trang thiết bị điều kiện cơ sở vật chất cần thiết để cập nhật thông tin.

1.2.2. Từ xã hội, những cá nhân có vai trò trong cộng đồng (lãnh đạo cộng đồng)

- Do cơ sở vật chất của địa phương chưa đáp ứng tốt cho việc truyền thông chẳng hạn không có TV, không có đài, không có đủ kinh phí để tổ chức thường kỳ hoặc đột xuất khi có những thông tin về chính sách, chương trình mới có liên quan tới người dân.
- Do lối suy nghĩ và việc đối với người nghèo từ đời xưa để lại, đó là đổ lỗi cho người nghèo về sự lười biếng, hoặc thiếu năng lực, không tạo cơ hội cho người nghèo tham gia vào các hoạt động cộng đồng, hoặc chỉ được tham gia ở cấp thấp;
- Do năng lực lãnh đạo cộng đồng: nhiều lãnh đạo cộng đồng muốn tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và nguồn lực đối với người nghèo. Tuy nhiên, do năng lực hạn chế, việc khích lệ hay động viên người nghèo tham gia chưa được thực hiện tốt dẫn đến không thu hút người nghèo vào các hoạt động chung;
- Xã hội còn có quan niệm nghèo đi đôi với hèn, họ có tư tưởng dè bủ, coi thường những người nghèo cho rằng kém cỏi, không có năng lực hoặc cho rằng do lười nhác. Những quan niệm này là nguyên nhân vô hình đẩy người nghèo vào góc tối, cách ly với xã hội.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP NGƯỜI NGHÈO TIẾP NHẬN THÔNG TIN, CHÍNH SÁCH, NGUỒN LỰC VÀ DỊCH VỤ XÃ HỘI

Xuất phát từ thực trạng và các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong tiếp nhận thông tin, chính sách, chương trình dịch vụ và các nguồn lực khác của người nghèo, NVXH cần thực hiện một số hoạt động hỗ trợ nhằm tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực này cho họ. Cụ thể là một số hoạt động sau (1) Tăng cường sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng của người nghèo; (2) hỗ trợ kết nối chuyển gửi và (3) Biện hộ/vận động chính sách.

2.1. Tăng cường sự tham gia vào các hoạt động cộng đồng của người nghèo

Khi nói về sự *tham gia*, tác giả Tô Duy Hợp trong tài liệu Phát triển cộng đồng (19...) so sánh với thuật ngữ *tham dự*. Sự khác biệt lớn nhất giữa hai thuật ngữ này, theo ông, là các sự khác biệt về cấp độ trong các nấc thang tham gia. Người *tham dự* chỉ dừng ở mức độ được nghe, được nhìn, được hỏi và trả lời; trong khi đó, người *tham gia* ngoài những quyền trên, họ còn được cùng thảo luận và cùng ra quyết định, và trong một dự án dành cho họ, họ được cùng tổ chức thực hiện và giám sát cũng như lượng giá tiến trình triển khai dự án đó.

Đối với người nghèo, để tăng cường sự tham gia của họ trong các hoạt động cộng đồng cần bắt đầu bằng việc thay đổi nhận thức và nâng cao năng lực. Các bước trong thúc đẩy sự tham gia của người nghèo cần phải tác động vào chính bản thân người nghèo và vào cộng đồng xã hội.

2.1.1. Với bản thân người nghèo

Việc tác động thay đổi nhận thức và nâng cao năng lực cho người nghèo có thể được thực hiện theo các giai đoạn sau:

(1) Giai đoạn tiền dự định

Nhiều người nghèo chưa nghĩ đến sự thay đổi mà sẵn sàng chấp nhận số phận, có cảm giác không ổn, lo lắng gặp khó khăn khi tham gia, hoặc họ không ý thức tầm quan trọng của việc tham gia. Trong giai đoạn này, NVXH cần cung cấp thông tin cho họ chứ không đặt vấn đề là họ phải thay đổi vì có thể gây cho họ một mối nghi ngờ. NVXH tránh tranh luận, nếu không sẽ dẫn đến đối đầu với họ. Cách làm là lắng nghe một cách tích cực, như vậy sẽ làm cho người nghèo cảm nhận được sự cởi mở, thấu hiểu của NVXH trong nhìn vấn đề. Công việc quan trọng là tìm hiểu quan điểm của họ và cung cấp thông tin để họ tự suy ngẫm về cuộc sống hiện tại của mình.

(2) Giai đoạn dự định

Lúc này người nghèo bắt đầu có ý nghĩ thay đổi trong tư tưởng. Họ cân nhắc cái được, cái mất trong sự thay đổi. Họ có thể quyết định là sẽ tham gia hoặc không tham gia hoặc đang lưỡng lự. Dù ở trong tình trạng nào, NVXH cũng không nên cảm thấy khó chịu trước sự lưỡng lự đó vì tâm lý đó là dấu hiệu tốt trong quá trình thay đổi. Điều đó đã chứng tỏ có sự cân nhắc lưỡng lự, không hấp tấp vội vàng trước khi ra quyết định. Công việc của NVXH là giúp họ ý thức được sự lưỡng lự đó, giúp họ suy nghĩ, phân tích và tìm ra những điều nào có lợi và bất lợi khi họ thay đổi hoặc khi họ không thay đổi. NVXH cần khuyến khích họ nói về những cái lợi khi thay đổi, cố gắng nhấn mạnh các điểm này.

(3) Giai đoạn quyết định tham gia

Khi người nghèo có chiều hướng muốn thay đổi, muốn tham gia vào một hoạt động gì đó, họ bắt đầu nói về các ý định về những gì họ sẽ làm và nhiệm vụ của NVXH là thúc đẩy. NVXH nên gợi ý để họ suy nghĩ về những phương pháp có thể lựa chọn. Họ sẽ cảm thấy họ có thể kiểm soát được quá trình thay đổi này. Đây là bước khó nhất.

(4) Giai đoạn hành động

NVXH cần chung vai sát cánh, đồng hành với người nghèo thực hiện hành động ở giai đoạn này. Họ bắt đầu thoát ra khỏi vỏ bọc của sự sợ hãi e dè, đặt niềm tin vào sự thay đổi mà họ lựa chọn. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng là thuận lợi trong mọi hoạt động. Nguyên tắc là phải khuyến khích và tăng cường các điểm mạnh của họ, hướng dẫn và theo dõi công việc của họ để giúp họ vượt qua những khó khăn.

(5) Giai đoạn duy trì

Ở giai đoạn này, người nghèo ý thức rõ vấn đề, họ có khả năng nhìn lại vấn đề trong quá khứ. Công việc của NVXH là tạo phương hướng để giúp họ những phương hướng giải quyết vấn đề.

Giúp người nghèo cùng tham gia giải quyết vấn đề là một trong những nguyên tắc rất cơ bản trong các hoạt động của NVXH. Vấn đề khó khăn của đối tượng chỉ có thể giải quyết khi có sự tham gia của đối tượng, bởi vì chỉ có bản thân anh/chị ta mới có thể thay đổi cuộc sống của mình.

Câu chuyện về hỗ trợ người nghèo có khả năng tham gia

Khi tác viên cộng đồng đến mời gia đình hộ nghèo đi họp, chủ nhà tỏ vẻ ngần ngại. Sau khi tìm hiểu được biết chị ta đang lo lắng không có người trông mẹ già khi chị ta đi họp, NVXH đã tìm kiếm tới hội phụ nữ để nghị sự giúp đỡ. Kết quả người phụ nữ này đã đến được cuộc họp vì yên tâm đã có người chăm mẹ già tại nhà trong lúc mình vắng nhà.

2.1.2. Thay đổi môi trường để tăng cường sự tham gia của người nghèo

Do luôn đổ lỗi cho người nghèo vì, từ hạn chế về năng lực thu hút người nghèo tham gia vào các hoạt động cộng đồng của các lãnh đạo địa phương, NVXH cần thực hiện các hoạt động để tác động vào nhận thức và tăng cường được năng lực cho đội ngũ này.

Về thay đổi nhận thức:

- Thông qua các hoạt động truyền thông, NVXH cung cấp thông tin về người nghèo, những tấm gương người nghèo làm ăn chăm chỉ cần mẫn, những người nghèo có ý tưởng và năng lực dám thử nghiệm những mô hình làm ăn kinh tế cho gia đình và địa phương;
- Lồng ghép trong cuộc họp, tụ tập dân cư nói về quyền con người, đặc biệt quyền của nhóm thiệt thòi;
- Chỉ ra những quan điểm nhân văn trong làm việc với những người thiệt thòi;

- Nhấn mạnh tới nguyên nhân của nghèo đói ở góc độ vĩ mô như thảm họa thiên nhiên, bệnh dịch, khoa học kỹ thuật, các dịch vụ an sinh, chính sách chưa hợp lý, khả năng tiếp cận nguồn lực, chứ không hoàn toàn là do cá nhân người nghèo;
- Chỉ ra sự tác động qua lại giữa cá nhân và xã hội để mọi người thay đổi cách nhìn nhận về lý do nghèo của người nghèo và thấy trách nhiệm của bản thân và cộng đồng đối với người nghèo.

Về nâng cao năng lực:

- Trang bị cho những người có trách nhiệm điều phối các hoạt động cộng đồng hoặc các cá nhân thường giao tiếp với người nghèo các kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, làm việc với người yếu thế;
- Hỗ trợ các kỹ thuật tổ chức các hoạt động cộng đồng thu hút sự tham gia (được cung cấp trong nội dung Phát huy nội lực cộng đồng);
- Trang bị các kiến thức liên quan tới yếu tố tâm lý của người nghèo và cách thức tương tác với họ;
- Tăng cường tổ chức các hoạt động sinh hoạt cho các nhóm trong cộng đồng ở mọi độ tuổi, thúc đẩy sự tham gia của người nghèo con em người nghèo tham gia vào.

2.2. Hỗ trợ kết nối nguồn lực

2.2.1. Khả năng tiếp cận và huy động nguồn lực của người nghèo

Do rút lui từ nhiều hoạt động cộng đồng, thiếu đi những giao tiếp với các thành viên/nhóm trong cộng đồng và những người có ảnh hưởng tới cuộc sống của họ, người nghèo thường hạn chế hiểu biết về các nguồn lực hiện có trong địa phương, họ thường cảm thấy bế tắc mỗi khi cần tìm kiếm đến nguồn lực để giải quyết vấn đề. Có những trường hợp chỉ cần một khoản kinh phí vừa phải là họ đã có thể thực hiện một dự án nhỏ để cải thiện đời sống gia đình. Tuy nhiên, do không biết có các nguồn lực xung quanh, họ thấy mình đang đi vào ngõ cụt và không có lối thoát, và dễ dàng bỏ qua cơ hội đó. Bên cạnh những bất lợi về hiểu biết về các nguồn lực, không ít người nghèo gặp khó khăn trong thuyết phục sự hỗ trợ từ các cá nhân và tổ chức tiềm năng hiện có trong địa phương. Những thiếu hụt và hạn chế này đã làm cho người nghèo mất đi cơ hội tiếp cận và khả năng huy động nguồn lực để giải quyết các vấn đề của họ.

2.2.2. Các hoạt động hỗ trợ kết nối nguồn lực cho người nghèo

Để hỗ trợ người nghèo kết nối với các nguồn lực, NVXH cần cung cấp cho họ các kiến thức về nguồn lực, hỗ trợ họ xây dựng và duy trì mạng lưới và hướng dẫn họ cách kết nối với các nguồn lực này.

Cung cấp các kiến thức về nguồn lực

Nguồn lực bên trong cộng đồng

Bất cứ một cộng đồng, hoặc một hộ gia đình nào dù nghèo ở mức độ nào, hạn chế về trình độ học vấn, hoặc khó khăn về kinh tế, điều kiện địa lý, điều kiện sống, thì bên trong cá nhân/hộ gia đình và cộng đồng đó vẫn tiềm ẩn những nguồn lực nhất định. Vấn đề ở chỗ là ai là người nhìn nhận ra các nguồn lực đó trong người dân và trong cộng đồng và giúp người dân trong cộng đồng cũng nhận diện ra những nguồn lực đó để liên kết

chúng lại thành sức mạnh hỗ trợ cho các hoạt động của cộng đồng một cách hiệu quả? Đó chính là công việc của NVXH.

Để tăng cường hiểu biết về các nguồn lực, NVXH cần:

- Đặt câu hỏi về những nguồn lực mà bản thân/trong gia đình của họ có;
- Đặt câu hỏi về những nguồn lực mà họ biết trong cộng đồng có thể giúp giải quyết vấn đề của họ;
- Cung cấp đầy đủ cho họ những hiểu biết về nguồn lực, như nội lực, ngoại lực, các loại nguồn lực như nhân lực, vốn thiên nhiên, vốn xã hội...
- Giúp họ tìm hiểu, xác định được các loại nguồn lực mà họ dễ tiếp cận nhất.

Trong quá trình tăng cường hiểu biết của người nghèo về nguồn lực gia đình và cộng đồng, người nghèo cần được khích lệ để tham gia vào việc tìm hiểu, phân tích và đánh giá các nguồn lực này đối với vấn đề mà họ đang phải đối đầu.

Nguồn lực trong cộng đồng

Nhân lực: Người dân trong cộng đồng, những cá nhân, nhóm có kinh nghiệm trong làm ăn, trong tổ chức cộng đồng; Người có kỹ năng, tay nghề cao, là hạt giống tốt cần nhân rộng ra; Người có ảnh hưởng tích cực đến những người khác...

Vật chất: Những cơ sở vật chất mang lại phúc lợi trong cộng đồng. Ví dụ: như nhà cộng đồng, hội quán, nhà trẻ, trụ sở, ban ấp, điện, đường giao thông liên ấp, liên xã, chợ...

Vốn thiên nhiên: Đất đai, nguồn nước, sông ngòi. Ví dụ như đất phù hợp trồng mía cho năng suất cao; Bàu hay hồ chứa nước ngọt có thể tưới tiêu cho một vùng trong cộng đồng; Hệ thống kênh, mương, rạch dẫn nước vào các cánh đồng; Đất pha cát rất tốt cho việc trồng trọt như mía, mía, bắp, đậu...

Vốn xã hội: Bao gồm các nhóm tự phát, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan ban ngành và môi trường chính sách. Những thiết chế, tổ chức trong cộng đồng như các tổ chức đoàn thể, tôn giáo, tổ nhóm, câu lạc bộ, trung tâm học tập cộng đồng... Các mối quan hệ tốt trong cộng đồng, tinh thần đoàn kết của người dân.

Môi trường chính sách: Các định chế xã hội như hương ước, quy định của làng xã, các chính sách xã hội, an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ cho người nghèo, có ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống của người dân.

Vốn tài chính và cơ hội kinh tế: Năng lực tài chính của các doanh nghiệp, xí nghiệp, các cơ sở sản xuất trong cộng đồng.

Nguồn lực bên ngoài cộng đồng

Nguồn lực bên ngoài cộng đồng hiểu một cách đơn giản là các nguồn lực không thuộc về cộng đồng. Đó có thể là các cơ quan tổ chức bên ngoài cộng đồng, các chương trình dự án đang được triển khai bởi chính phủ hoặc bởi các cộng đồng xung quanh¹⁰

10 Trích trong tài liệu "Phát triển cộng đồng" của trường Đại học Lao động- Xã hội (2015)

Hỗ trợ xây dựng và duy trì mạng lưới

Mạng lưới nguồn lực là sự sắp xếp, cấu trúc về các cơ sở, cá nhân, tổ chức và các cơ quan cung cấp dịch vụ cùng với các chính sách ở các cấp độ. Mạng lưới khi được xây dựng sẽ cung cấp một sơ đồ nguồn lực nhằm hỗ trợ người cần sử dụng dịch vụ kết nối một cách thuận tiện và kịp thời. Sử dụng mạng lưới sẽ giúp tăng cơ hội lựa chọn, tránh được các chồng chéo và lãng phí. Dịch vụ có thể nằm trong mạng lưới của người nghèo liên quan tới hầu hết các lĩnh vực: giáo dục, hướng nghiệp đào tạo nghề, chăm sóc sức khỏe y tế và tâm thần, tình cảm, nhà ở, nước sạch....

Giúp người nghèo xây dựng mạng lưới, NVXH cần:

- Đề nghị người nghèo thảo luận, liệt kê các dịch vụ, các chương trình chính sách, những cá nhân có uy tín, có chuyên môn trong các lĩnh vực;
- Cung cấp, bổ sung các thông tin về nguồn lực mà người nghèo chưa biết
- Đề nghị họ tìm hiểu về các nguồn lực này với các nội dung: tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, cách thức làm việc, khả năng cung cấp dịch vụ, chất lượng dịch vụ.
- Đề nghị họ tìm hiểu về cách thức tiếp cận các dịch vụ/cá nhân/cơ sở này.
- Trong nhiều trường hợp khó tiếp cận, NVXH cần giới thiệu người nghèo tới các nguồn lực hiện có trong cộng đồng.
- Cung cấp các thông tin và các cơ hội làm quen với các cơ sở, cá nhân này.
- Cung cấp cho người nghèo một số kỹ thuật để xây dựng mạng lưới.
- Hướng dẫn cách sơ đồ hóa các mạng lưới theo các mục đích khác nhau, ví dụ: sơ đồ mạng lưới liên quan tới ngành dọc về y tế, về giáo dục, về các dịch vụ nhà ở... hoặc sơ đồ mạng lưới theo mô hình hàng ngang, gồm tổng thể các dịch vụ thuộc các lĩnh vực khác nhau nhưng cùng cấp, hoặc mô hình tổng hợp các cấp độ và các lĩnh vực. Hướng dẫn cho họ sử dụng các màu sắc khác nhau để chỉ ra sự khác biệt về lĩnh vực hay về cấp độ để dễ xác định khi sử dụng sơ đồ.
- Lưu ý một số kỹ thuật để có cơ hội tạo lập các mối quan hệ tăng cường được thành viên trong mạng lưới:

- Ghi chép địa chỉ, điện thoại của những cá nhân, cơ sở nằm trong mạng lưới
- Chớp mọi cơ hội làm quen tiếp cận với những thành viên tiềm năng
- Tăng cường các cơ hội giao lưu để phát triển mạng lưới
- Nhóm các nguồn lực thành các nhóm theo các lĩnh vực hoặc theo các cấp độ, hoặc từ các đặc điểm cá nhân khác nhau.
- Tích cực trong việc chia sẻ thông tin.

Để những hoạt động trên hiệu quả, NVXH cần khích lệ, tăng cường năng lực để giúp người nghèo tăng cường khả năng giao tiếp, đồng thời làm việc với các tổ chức, cá nhân, các cán bộ cơ sở để có những sự quan tâm thích đáng đối với người nghèo.

Hướng dẫn người nghèo kết nối với các nguồn lực

Tùy theo lĩnh vực nhu cầu khác nhau của người nghèo, NVXH cần có kế hoạch hướng dẫn họ kết nối cho người nghèo.

Với lĩnh vực dạy nghề

- Tìm hiểu nguồn lực dạy nghề cho người nghèo:
 - + Nguồn lực quan trọng hỗ trợ cho người nghèo về học nghề là doanh nghiệp có đề án tự tổ chức dạy nghề theo hình thức truyền nghề, vừa làm vừa học và nhận người nghèo vào làm việc ổn định tại doanh nghiệp tối thiểu 24 tháng (Mức hỗ trợ cụ thể tùy thuộc vào hình thức và thời gian dạy nghề của doanh nghiệp và theo hợp đồng ký kết với cơ quan LĐ-TBXH);
 - + Các chương trình dự án liên quan đến dạy nghề cho người nghèo, các đối tượng khó khăn;
 - + Các cơ sở dạy nghề, cơ sở sản xuất, làng nghề truyền thống.
- Thu thập một số thông tin cơ bản từ người nghèo liên quan tới độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật và các lớp học nghề đã qua hoặc đang học (nếu có), tên nghề có nhu cầu học, lý do học, khả năng tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi học, các yêu cầu đối với lớp học (thời gian, địa điểm tổ chức, phương pháp giảng dạy, nhu cầu về các hỗ trợ khác), các điều kiện cần có để có được việc làm.
- Xác định nhu cầu học nghề: Từ các thông tin thu thập được tiến hành phân tích, đánh giá và xác định:
 - + Số người nghèo thực sự có nhu cầu học nghề, theo từng ngành nghề và cấp trình độ cụ thể. Cần có sự trao đổi và giải thích rõ hơn cho người nghèo để họ xác định lại nhu cầu học. Trong một số trường hợp, việc xác định nhu cầu thực học cần có sự tham vấn và hỗ trợ của cán bộ địa phương, tránh tình trạng do rồi rã mà đi học;
 - + Những nghề cần đào tạo và cấp trình độ cần đào tạo. Việc lựa chọn nghề nào và cấp trình độ nào để tổ chức đào tạo cần có sự cân nhắc giữa nhu cầu học của người nghèo, nhu cầu sử dụng lao động tại địa phương, khả năng tự tạo việc làm;
 - + Hướng dẫn người nghèo làm thủ tục học nghề.
- Kết nối người nghèo sau học nghề với việc làm: Cần thu thập các thông tin liên quan đến nhu cầu tuyển dụng lao động theo các loại việc làm, các hoạt động, chương trình hỗ trợ việc làm. Như vậy, tốt nhất cần kết hợp các chương trình tạo việc làm khác trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo hoặc các chương trình khác của địa phương. Ngoài ra cần liên hệ với các doanh nghiệp, các cơ sở dạy nghề, các trung tâm Giới thiệu việc làm trên địa bàn để định hướng đầu ra.

Nhu cầu liên quan tới lĩnh vực giáo dục

- Thường xuyên cập nhật các chính sách hỗ trợ đào tạo giáo dục cho trẻ em con hộ nghèo;

- Luôn cập nhật danh sách học sinh là con em hộ nghèo trong danh sách hộ nghèo do xã quản lý;
- Làm việc với chính quyền địa phương và nhà trường để hoàn thành thủ tục xin hỗ trợ miễn giảm học phí và các hỗ trợ khác cho đối tượng học sinh này.
- Vận động nguồn lực khác của cộng đồng nhằm đáp ứng nhu cầu của con hộ nghèo trong trường hợp chương trình/chính sách hỗ trợ kia chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập.
- Những hỗ trợ khác bao gồm: Hỗ trợ dụng cụ học tập, cấp học bổng khuyến học, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, mở lớp học tình thương (lớp học tình thương có thể do chính quyền địa phương, các đoàn thể, tổ chức xã hội hoặc các cá nhân hảo tâm đứng ra tổ chức và đỡ đầu. Các em được đi học tại các lớp này không phải đóng góp, được hỗ trợ sách vở, đồ dùng học tập. Một số địa phương còn hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng những trẻ em này).

Về lĩnh vực y tế

- Luôn kiểm tra xem các thành viên trong hộ nghèo đã được cấp thẻ BHYT chưa, hướng dẫn họ kiểm tra tính chính xác của thông tin trên thẻ với giấy tờ tùy thân, nếu bị sai hướng dẫn họ làm thủ tục điều chỉnh;
- Khuyến khích, tư vấn người nghèo quan tâm chăm sóc sức khỏe (dinh dưỡng, nước sạch, vệ sinh môi trường, khám chữa bệnh);
- Thông tin cho người nghèo về chương trình cấp thẻ BHYT miễn phí và hỗ trợ người nghèo tiếp cận đến dịch vụ này.
- Thông tin cho người nghèo những cơ sở khám chữa bệnh sử dụng thẻ BHYT miễn phí cho người nghèo hay cung cấp dịch vụ miễn phí cho người nghèo như: Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo; Hội chữ thập đỏ; chương trình kế hoạch hóa gia đình...)
- Vận động nguồn lực trong cộng đồng để hỗ trợ thêm cho người nghèo khi các chính sách nói trên chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám chữa bệnh của người nghèo.

Về lĩnh vực nhà ở

- Hướng dẫn người nghèo thủ tục vay tiền xây dựng, sửa chữa nhà ở;
- Kết nối dịch vụ hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo gặp khó khăn về nhà ở
- Thu thập thông tin, xác định hộ nghèo có đủ điều kiện hưởng chính sách hay không;
- Hướng dẫn hộ nghèo làm thủ tục để được thụ hưởng chính sách;
- Tư vấn, hỗ trợ, tăng khả năng tự quyết của người nghèo về việc đưa ra các giải pháp sử dụng nguồn lực trên có hiệu quả.

Về trợ giúp pháp lý

- Thu thập thông tin và xác định hộ nghèo có đủ điều kiện thụ hưởng chính sách;
- Hướng dẫn hộ nghèo làm thủ tục để được thụ hưởng chính sách;

- Tư vấn, hỗ trợ, tăng khả năng tự quyết của người nghèo về việc đưa ra các giải pháp sử dụng nguồn lực trên có hiệu quả;
- Thông tin tới các hộ nghèo về các đợt trợ giúp pháp lý lưu động về các xã thuộc các huyện nghèo để cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí;
- Kết nối người nghèo tới sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý để giải quyết những vướng mắc pháp luật cung cấp thông tin pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật;

Yêu cầu đối với NVXH là phải có hiểu biết về các dịch vụ cho người nghèo, các chính sách liên quan, các hình thức dịch vụ cung cấp và với chính sách nào thì diện đối tượng nào được ưu tiên. Ngoài ra, NVXH cần nắm vững quy trình và thủ tục chuyển tuyến khi cần thiết để hướng dẫn cho người nghèo có thể kết nối các dịch vụ tránh những sai sót gây ảnh hưởng tới tâm lý người nghèo khi họ phải làm đi làm lại các thủ tục hồ sơ hoặc tiếp cận.

2.3. Biện hộ/ vận động chính sách

Người nghèo yếu thế, thiếu kiến thức và hạn chế hiểu biết về quyền của mình. Do thiếu sự tham gia trong các hoạt động cộng đồng, người nghèo ít hoặc không biết được những chương trình đang thực hiện tại địa phương, vì thế họ mất đi cơ hội tham gia và càng thiệt thòi. Xuất phát từ việc thiếu hiểu biết, hạn chế năng lực để bảo vệ quyền của chính mình, người nghèo cần được tăng thêm hiểu biết về quyền của bản thân và có kỹ năng để biện hộ cho chính mình. Công tác xã hội là phương pháp tiếp cận dựa trên quyền. Nhân viên xã hội do vậy cần trợ giúp người nghèo biện hộ, có khả năng biện hộ nhằm dành lại những quyền đáng được hưởng. Biện hộ cũng có nghĩa là thực hiện các hoạt động tác động vào những cá nhân, cơ quan các bên có liên quan tới cung cấp dịch vụ, những người có ảnh hưởng trong việc ra quyết định cải thiện, bổ sung các chính sách hỗ trợ các nhóm thiệt thòi.

2.3.1. Ở góc độ bảo vệ quyền cho người nghèo

Nhân viên xã cần đảm bảo thực hiện được các yêu cầu sau:

- Nắm vững các chế độ chính sách hiện có cho người nghèo;
- Quan tâm sâu sát tới cuộc sống của người nghèo, hộ nghèo để nắm bắt được các phản hồi về sự công bằng, mất công bằng diễn ra trong cộng đồng, thường liên quan tới các khoản đóng góp, sự tham gia trong các chương trình dự án của chính phủ hay các tổ chức NGOs;
- Rà soát những gì đang diễn ra ảnh hưởng tới quyền lợi của người nghèo, đó thường là các dự án, các kế hoạch cộng đồng....;
- Thẩm định lại thông tin bằng nhiều nguồn: yêu cầu sự khéo léo, tế nhị, khôn ngoan để không ảnh hưởng tới an sinh của người cung cấp thông tin. Khi xác định đó là việc có thực, NVXH quay lại làm việc kỹ hơn với hộ nghèo để tìm hiểu một cách chi tiết hơn các thông tin này.
- Tìm hiểu về những giải pháp đã được thực hiện: Giải pháp gì đã được thực hiện? Hiệu quả tới mức độ nào? Tại sao chưa có sự thay đổi? Mặt hạn chế và tích cực của giải pháp, bài học từ kinh nghiệm là gì?

- Cùng thân chủ tìm kiếm giải pháp và xây dựng kế hoạch biện hộ: Gợi ý thân chủ mong muốn giải quyết vấn đề đó theo cách phù hợp với điều kiện và năng lực của bản thân, phù hợp với văn hóa vùng miền của thân chủ, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của thân chủ;
- Khi nhận thấy, số đông người nghèo (hộ nghèo) rơi vào cùng hoàn cảnh, các hoạt động này có thể thực hiện với cả nhóm. NVXH cần có kỹ năng tổ chức các cuộc họp nhóm để các bước đạt hiệu quả;
- Nhiều trường hợp hộ nghèo không nắm được các quyền lợi của bản thân mặc dù đã được sự quan tâm của mọi người xung quanh, hoặc họ thờ ơ, cho rằng “không đáng gì” nên không muốn tham gia, NVXH lúc này cần hỗ trợ giáo dục, giúp người nghèo nhận thấy quyền lợi của bản thân, có ý thức trong việc tham gia vào biện hộ để tạo sự thay đổi vĩ mô; Khích lệ người nghèo đấu tranh cho quyền lợi.
- NVXH tạo cơ hội cho người nghèo có cơ hội tọa đàm với các cán bộ chính sách, các cán bộ phụ trách các chương trình, lãnh đạo địa phương để hai bên hiểu rõ về các vấn đề và cùng tháo gỡ;
- NVXH cần làm việc với lãnh đạo địa phương sở tại, thúc đẩy hoạt động cùng tham gia thể hiện sự công khai minh bạch các chương trình chính sách cho người dân cộng đồng, đặc biệt là các nhóm yếu thế bằng cách phát triển các hình thức truyền thông đa dạng trong địa phương để người dân có thể tiếp cận được tốt nhất;
- Khi thấy cán bộ chính sách/cán bộ địa phương chưa thực hiện tốt việc triển khai chính sách đối với người nghèo về cả thái độ và năng lực, NVXH cần có các buổi nói chuyện trực tiếp với cán bộ, làm cầu nối để truyền tải thông điệp một cách khách quan tạo ra sự thay đổi về cách làm việc của cán bộ có liên quan tới cung cấp dịch vụ cho người nghèo.

Hoạt động biện hộ dù ở cấp nào cũng đề cao sự tham gia và khả năng tự giải quyết vấn đề của thân chủ. Do vậy, công việc quan trọng mà NVXH phải làm để hỗ trợ đạt mục tiêu này là thường xuyên có các hoạt động giáo dục, hướng dẫn đào tạo về nâng cao năng lực trình bày và thuyết phục cho người nghèo để họ có khả năng thực hiện các hoạt động biện hộ một cách bền vững.

2.3.2. Ở góc độ vận động chính sách

Trong nhiều trường hợp, khi nhận thấy có nhiều nhóm đối tượng nghèo mà chưa được đáp ứng những nhu cầu tối thiểu, NVXH cần thực hiện việc vận động chính sách để các cá nhân, cơ quan có trách nhiệm quan tâm tới việc điều chỉnh hoặc xây dựng những chính sách mới phù hợp với bối cảnh và sự thay đổi. Những chính sách này có thể liên quan tới chăm sóc y tế, giáo dục, nghề nghiệp hoặc các chính sách về nhà cửa, dinh dưỡng.

Vận động chính sách là một hành động hoặc một loạt các hành động được thực hiện để gây ảnh hưởng lên một người hay một nhóm người có quyền hạn thay đổi luật pháp, chính sách hoặc có quyền đưa ra quyết định đưa ra các hành động tạo ra hoặc thay đổi những luật, chính sách.

Vận động chính sách nhằm hỗ trợ người nghèo ở 2 cấp độ trung mô và vĩ mô. Ở cấp độ trung mô là việc vận động tới các cá nhân hoặc nhóm người có quyền hạn thay đổi, điều chỉnh, bổ sung chính sách quy định của địa phương để mang lại những lợi ích cho

nhóm người nghèo. Ở cấp độ vĩ mô, những hoạt động này hướng tới thay đổi, bổ sung hay điều chỉnh những chính sách cấp nhà nước nhằm tạo những thuận lợi, cơ hội cho người nghèo được tiếp cận tới các dịch vụ cần thiết phù hợp với nhu cầu của họ, giúp họ giải quyết được các khó khăn tạo cơ hội hòa nhập với cộng đồng dân cư và xã hội.

NVXH cần nâng cao nhận thức cho người nghèo về việc tham gia vận động chính sách bằng cách cho họ biết, hiểu:

- Các chính sách được ban hành và thực thi đều có ảnh hưởng tới mỗi cá nhân, nhóm và xã hội;
- Trong quá trình thực thi (cung cấp dịch vụ cho nhóm đối tượng hưởng lợi từ chính sách) nếu có những ý kiến và cần thiết phải thay đổi chính sách hiện hành để tạo nên những tác động tích cực cho cộng đồng và thực hiện công bằng xã hội tốt hơn thì chúng ta cần phải tham gia vào quá trình vận động chính sách;
- Thông qua vận động chính sách, họ sẽ có cơ hội đóng góp ý kiến với các nhà hoạch định chính sách để thay đổi các chính sách hiện hành, đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan. Nếu cứ đứng bên lề cuộc sống, thì mọi việc sẽ không thay đổi được;
- Nâng cao nhận thức về vai trò của người dân đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển xã hội;

Với những cán bộ

NVXH hỗ trợ để người dân được thực sự tham gia trong quá trình triển khai chính sách, cụ thể:

- Tham gia hợp tác trong quá trình thực hiện
- Giám sát các tác động, kết quả và thất bại
- Đánh giá được chính sách mới.

Có nghĩa là, người nghèo được tuân thủ thực hiện các chính sách khi họ là đối tượng tác động, có quyền phát biểu về những diễn biến liên quan tới việc vận dụng chính sách không đúng và những ý kiến này phải được quan tâm và phản hồi từ cấp có liên quan.

Để có thể đạt được mục tiêu dân chủ hóa, giúp người nghèo từng bước tiếp cận với người ra quyết định và cải thiện quá trình ra quyết định cho người nghèo vận động, NVXH cần làm tốt chu trình vận động chính sách.

2.3.3. Chu trình vận động chính sách

1) Xác định vấn đề

Dấu hiệu: chỉ ra những dấu hiệu liên quan tới vấn đề đang được quan tâm: chẳng hạn như người già hộ nghèo hiện đang không có thu nhập hoặc những hỗ trợ cần thiết để đáp ứng nhu cầu cơ bản, những thông tin về số người, tình trạng hiện nay, vấn đề sức khỏe do nghèo đói dẫn đến tình trạng hiện tại.

Nguyên nhân: chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến tình trạng hiện nay của họ.

- Xác định vấn đề này được thực hiện qua việc tìm hiểu trực tiếp, như hoạt động thăm hỏi, phỏng vấn, quan sát, hay qua các báo cáo trên giấy tờ hoặc trực tiếp từ các cấp trong địa phương.
- Các thông tin thu được từ các nguồn cần được kiểm chứng để chắc chắn đó là vấn đề thực sự mà người dân ở cộng đồng đang quan tâm.

2) *Xác định mục tiêu:*

- Mục tiêu của vận động là gì: Với vấn đề như vậy, mục tiêu vận động muốn đạt được là gì? Đó là sự thay đổi một chính sách, hay cho ra đời mới một chính sách? Đối tượng hưởng lợi từ chính sách này là ai? Ví dụ cho ra đời một (những) chính sách về hỗ trợ y tế cho người già, hoặc chính sách cho nhóm trẻ bị cha mẹ bỏ rơi.

3) *Thu thập và Phân tích thông tin:*

Đây chính là giai đoạn tìm ra bằng chứng cần thiết để trình bày trong đề xuất về bổ sung hoặc điều chỉnh chính sách. Giai đoạn này được thực hiện bằng nhiều phương pháp: hỏi chuyện, thăm gia đình, và quan sát. Vận động chính sách thường liên quan tới vấn đề cần giải quyết của một nhóm người, do vậy, ngoài việc thăm hỏi chuyện mỗi cá nhân hoặc hộ gia đình, NVXH có thể tổ chức các cuộc thảo luận nhóm, hoặc sử dụng phiếu hỏi. Khi thảo luận nhóm cần có kỹ năng của người điều phối nhóm: Thu hút sự tham gia, thúc đẩy sự hợp tác và sáng kiến, đảm bảo sự tôn trọng lẫn nhau của các thành viên trong nhóm... Nội dung này sẽ được trình bày sâu trong bài “phát huy nội lực cộng đồng”. Khi cần, phải sử dụng đến phiếu hỏi, NVXH có thể hợp tác với những nhà chuyên môn xã hội học để thiết kế những phiếu hỏi đúng mục đích.

Một yêu cầu khó khăn đối với NVXH trong giai đoạn này là khả năng phân tích thông tin.

4) *Xác định đối tượng và các hình thức vận động:*

Đây là việc làm hết sức cần thiết vì với mỗi đối tượng khác nhau, những gì liên quan tới vấn đề thay đổi phương pháp tiếp cận với người cần trợ giúp có những khác biệt, dẫn tới phương pháp truyền thông cũng có những đòi hỏi khác nhau. Những điều cần quan tâm ở đây là:

- Các bên liên quan là những ai?
- Họ muốn gì/mối quan tâm của họ là gì?
- Xây dựng đồng minh (ủng hộ, trung lập, đối lập)
- Các hình thức vận động

5) *Xác định các dạng thông điệp vận động*

Mỗi đối tượng truyền thông sẽ thay đổi khi họ nhận được thông điệp được mang tính thuyết phục. Chính vì vậy, để đạt được mục đích vận động biện hộ (ra một chính sách mới cho nhóm đối tượng) cần phải xác định được thông điệp nào là giá trị khi chuyển tải tới người có ảnh hưởng về sự thay đổi. Thông điệp có giá trị thường cần đạt được các tiêu chí:

- Hướng tới mục tiêu.
- Ngắn gọn, súc tích.

- Không gây hiểu nhầm.
- Không tạo cảm xúc tiêu cực ở người muốn hướng tới.
- Hình thức dễ tiếp cận, phù hợp với bối cảnh và đối tượng ở mọi khía cạnh.
- Có khả năng thực hiện được.

6) Xác định nguồn lực:

Thực hiện vận động chính sách cần thời gian, cần nguồn lực về con người và tài chính. Những cơ sở vật chất để tổ chức các buổi làm việc nhóm cũng đóng vai trò quan trọng cho thành công của công việc vận động. Cụ thể gồm:

- Tài chính;
- Con người, mối quan hệ;
- Cơ sở vật chất có sẵn.

7) Xây dựng liên minh:

Liên minh được hiểu là những người cùng chung mục đích và khi hợp tác với nhau sẽ trợ giúp cho tiến trình vận động chính sách được thực hiện nhanh hơn thuận tiện hơn và có kết quả tốt đẹp hơn.

Hướng dẫn cách thức xây dựng liên minh gồm:

- Tìm hiểu về những người/cơ quan tổ chức có chung những vấn đề hoặc chung nhu cầu tạo sự thay đổi;
- Tổ chức các buổi làm việc giữa các bên, tìm hiểu thêm về nhau, khẳng định hợp tác, xác định nguồn lực tham gia, phân công nhiệm vụ;
- Thực hiện biện hộ, vận động chính sách;
- Tổ chức các hoạt động để duy trì phát triển mối quan hệ giữa các thành viên trong liên minh.

8) Xác định các kế hoạch, hoạt động

- Kế hoạch được xây dựng dựa trên nguồn lực được đánh giá từ phía gia đình, cộng đồng, các tổ chức trong cộng đồng có tham gia;
- Các hoạt động trong kế hoạch phải hướng tới hoàn thành mục tiêu, mang tính khả thi và thực tiễn;
- Phải có các hoạt động/giải pháp dự phòng cho những tình huống đột xuất;
- Phải lưu ý sự tham gia của người nghèo là yếu tố quyết định thành công hay không của chương trình.

9) Thực hiện theo dõi và đánh giá

Sau khi tổ chức hoạt động biện hộ/vận động chính sách, không có nghĩa là công việc đã hoàn tất, mà thực ra kể từ lúc này, việc thay đổi của đối tượng được vận động mới bắt đầu. Họ cũng có vô số lý do để có những quan tâm trước khi cho ra một quyết định về quy định hay chính sách. Vì vậy, không có nghĩa là mọi việc luôn diễn ra suôn sẻ. NVXH cần thực hiện việc theo dõi và đánh giá thường xuyên để đảm bảo công việc vận động của mình không phải “đánh trống bỏ dùi” mà vẫn đang trong tiến trình thực hiện và hướng tới mục tiêu.

BÀI GIÁO DỤC THAY ĐỔI NHẬN THỨC

Nghèo đói là lòng luẩn quẩn. Khó khăn về kinh tế kéo theo mọi thứ nghèo khác: nghèo về tri thức, nghèo về sức khỏe, nghèo về các mối quan hệ. Không có tiền để đầu tư vào giáo dục, về y tế, người nghèo thường hạn chế hiểu biết về nhiều mặt: sức khỏe sa sút do không được chăm sóc kịp thời hoặc chăm sóc đúng cách, thiếu trình độ học thức dẫn đến thất nghiệp, không cải tiến được cách thức làm ăn dẫn đến càng nghèo đói hơn. Nghèo đói ngăn cản các cơ hội được giao lưu, được đàm đạo và tham gia các chương trình Dẫn tới thiếu cập nhật thông tin, tụt hậu so với xu thế chung của cộng đồng, xã hội và trở thành con người lạc hậu với thời đại.

Nghèo thường nhiều đời để lại, do vậy bản thân người nghèo hiện tại đã có nếp nghĩ của người nghèo xưa, cho rằng “thấp cổ bé họng,...” nói chẳng tới ai”.... Tự ti mặc cảm, không có nhận thức đầy đủ về quyền và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Cũng do nghèo mà họ không cập nhật về khoa học kỹ thuật như cơ cấu vật nuôi cây trồng, các phương pháp chăm sóc sức khỏe, cơ hội tiếp cận mạng lưới nguồn lực trong thời mở cửa...

Nhận thức là hệ quả của sự nuôi dưỡng bao đời trong một gia đình, một địa bàn dân cư và một cộng đồng xã hội mà con người ta được sinh ra, nuôi dưỡng trưởng thành. Những cộng đồng dân cư có nhiều người nghèo thường là những cộng đồng dân cư có lối suy nghĩ hủ lậu mặc dù không phủ nhận có những điều tốt đẹp ở trong cộng đồng đó. Những suy nghĩ hủ lậu đó là những rào cản đối với sự phát triển của cộng đồng và khiến gia tăng thêm nhiều nhóm nghèo hơn nữa ở trong cộng đồng. Không thích/sợ tham gia các hoạt động tập thể, chễ đông người, không cập nhật thông tin, khoa học, dẫn đến không biết cách chăm sóc sức khỏe, không biết cách nuôi dạy con cái một cách khoa học, Dẫn đến một loạt các vấn đề về sức khỏe, về làm ăn thua kém, về hạn chế các tương tác... dẫn đến khủng hoảng

tâm lý...vv. và họ lại trở nên nghèo hơn. Vòng luẩn quẩn của nghèo đói này khiến người nghèo càng trở nên nghèo.

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG

Các hoạt động giáo dục cộng đồng bao gồm tư vấn, tham vấn, tuyên truyền cho các gia đình, các nhóm hộ nghèo, và cho cộng đồng nghèo. Khi thực hiện tư vấn và tuyên truyền, các nội dung thường liên quan tới các nhóm sau:

- Hệ thống chính sách, pháp luật, chương trình dịch vụ hiện có;
- Cách thức tiếp cận và làm các thủ tục để được hưởng các dịch vụ từ các chính sách, chương trình tại cộng đồng;
- Các thức làm ăn kinh tế, các mô hình phát triển kinh tế;
- Cách chăm sóc nuôi dạy con cái;
- Các phát triển và duy trì các mối quan hệ trong hôn nhân và gia đình;
- Kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ;
- Thông tin thị trường và định hướng thị trường cho người nghèo;
- Các vấn đề xã hội liên quan tới người nghèo, nguyên nhân, hậu quả của chúng với đời sống của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

1.1. Tư vấn

1.1.1. Vai trò của hoạt động tư vấn đối với thay đổi nhận thức

Tư vấn là việc cung cấp các kiến thức có liên quan trực tiếp tới nhu cầu của người nghèo. Thông qua việc được tư vấn, người nghèo sẽ có những thay đổi về nhận thức, hiểu biết thêm về các vấn đề của mình và có lựa chọn phù hợp để giải quyết nó.

Xuất phát từ hạn chế trong nhận thức, thiếu các thông tin liên quan tới các chính sách, chương trình dịch vụ hiện có trong cộng đồng và cấp nhà nước, thiếu hụt về kiến thức chăm sóc cuộc sống gia đình, chăm sóc nuôi dưỡng con cái, duy trì các mối quan hệ và làm ăn kinh tế... người nghèo cần được tư vấn để có thể thực hiện vai trò của mình một cách tốt hơn. Một trong những hoạt động giáo dục truyền thông là thực hiện tư vấn trực tiếp tới người nghèo, gồm tư vấn cá nhân và tư vấn nhóm.

1.1.2. Cách thức tư vấn

Để là một người tư vấn cho người nghèo hiệu quả, NVXH cần tổng hợp lại những nhóm vấn đề mà người nghèo cần được tư vấn, có sự chuẩn bị tốt cho việc tư vấn về các thông tin một cách chính xác, có phương pháp tư vấn phù hợp.

Trong hoạt động tư vấn, NVXH cần:

- Trang bị cho bản thân về các nội dung mà người nghèo thường cần được tư vấn: cập nhật, tự đào tạo học hỏi;
- Tạo lập mối quan hệ: thiết lập được sự tin cậy từ phía thân chủ thông qua chào hỏi, giao tiếp cởi mở, chân thành, bộc lộ sự quan tâm, hiểu biết về lĩnh vực mà người nghèo đang quan tâm;

- Tìm hiểu thực trạng của cá nhân/ gia đình người nghèo về các kiến thức liên quan tới nguy cơ dẫn đến các vấn đề hoặc khiến vấn đề trở nên trầm trọng hơn, qua đó xác định được nhóm kiến thức, thông tin cần cung cấp;
- Tìm hiểu mức độ nhận thức, hiểu biết về kiến thức nội dung có liên quan tới vấn đề cần trợ giúp: tư vấn phải bắt đầu từ “chỗ người ta đứng”- nếu không sẽ lãng phí thời gian, không nhận được sự quan tâm. Câu hỏi: Anh/chị cho biết anh chị đã chăm sóc cháu nhà như thế nào (NKT)? Từ khi chăn nuôi gà đến nay, anh/chị đã có những phương pháp gì để tránh tình trạng gà bị dịch? Cụ thể thì phương pháp đó có những hạn chế và tích cực như thế nào?
- Cung cấp thông tin, trang bị thêm kiến thức kỹ năng: Cần tránh cách nói giáo điều, mà cần thực tế thực tiễn với hoàn cảnh của thân chủ.
- rà soát lại mức độ nắm bắt thông tin: nhằm để điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi cách diễn đạt cho phù hợp với đối tượng. Ví dụ: Cháu có thể nói lại những gì mình vừa chia sẻ với nhau được không? Cháu nhớ nhất điều gì trong đó? Tại sao điều đó khiến cháu nhớ nhất? Cháu có ý định/kế hoạch gì sau khi có các thông tin mới này?
- Theo dõi và hỗ trợ việc thay đổi hành vi/ thực hiện giải pháp sau khi được cung cấp thông tin: bằng phương pháp trực tiếp thăm hỏi, quan sát, gọi điện thoại, hoặc gián tiếp qua người khác.

1.2. Hỗ trợ tâm lý

1.2.1. Vai trò của hoạt động hỗ trợ tâm lý

Tham vấn hỗ trợ tâm lý nhằm giúp thân chủ có cơ hội chia sẻ cảm xúc, tâm tư, tìm hiểu khám phá về bản thân mình với những điểm mạnh, điểm hạn chế, những nguồn lực có thể tham gia vào giải quyết vấn đề của thân chủ, qua đó họ có những quyết định về giải pháp cho vấn đề của mình một cách hiệu quả nhất.

Hỗ trợ tâm lý hiệu quả yêu cầu khả năng lắng nghe chia sẻ, thúc đẩy sự tham gia khám phá bản thân của thân chủ, sự tương tác tích cực và hợp tác giữa thân chủ và nhà tham vấn được coi trọng. Do vậy, yêu cầu NVXH cần có các kỹ năng thúc đẩy như lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, và thấu cảm...

1.2.2. Các bước và một số lưu ý khi hỗ trợ tâm lý

Khi xác định được thân chủ đang gặp phải những vấn đề về cảm xúc như sự lo lắng bối rối, buồn rầu do một sự kiện nào đó đã hoặc dự đoán xảy. Tình trạng cảm xúc này khiến họ có nguy cơ hoặc rơi vào tình trạng suy giảm chức năng xã hội. NVXH cần sử dụng các kỹ năng tham vấn để hỗ trợ họ. Các bước trong tham vấn bao gồm: (1) Thiết lập mối quan hệ (2) Hiểu biết và (3) Thay đổi (theo Nelson, Recharđ)

- Thiết lập mối quan hệ:

Trong bước thiết lập mối quan hệ, NVXH cần tỏ thái độ quan tâm, gần gũi, nhạy cảm với tâm tư suy nghĩ của họ, lắng nghe thấu hiểu, không được phán xét, cần tỏ ra tôn trọng và khích lệ.

Khi hỗ trợ tâm lý cho cá nhân, việc thiết lập mối quan hệ được diễn ra trong quá trình tương tác trực tiếp với cá nhân đó. Khi làm việc với gia đình, việc thiết lập mối quan hệ sẽ có những khó khăn hơn vì thành viên trong gia đình có (những) người gặp vấn đề

về tâm lý không phải luôn là (những) người dễ chịu cho những chuyến thăm hỏi của NVXH, đặc biệt khi trong gia đình có sự mâu thuẫn, xung đột. Trong trường hợp NVXH thực hiện việc hỗ trợ tâm lý cho một nhóm những thành viên cần có sự hỗ trợ về tâm lý, việc thiết lập mối quan hệ được triển khai ngay từ những ngày đầu tìm hiểu về thành viên có khả năng tham gia nhóm. Ngoài ra, những hoạt động trong những ngày đầu thành lập nhóm sẽ cần dành nhiều cho hoạt động chia sẻ để mọi người cảm thấy gần gũi, hiểu biết thêm về nhau và có được tâm lý thoải mái. Việc thiết lập mối quan hệ lúc này tập trung nhiều vào việc thiết lập mối quan hệ giữa các thành viên để tăng cường gắn kết nhóm.

- **Hiểu biết:**

Giai đoạn hiểu biết yêu cầu NVXH biết sử dụng các câu hỏi đóng, câu hỏi mở một cách hợp lý để thu thập thông tin; NVXH cần chứng tỏ khả năng lắng nghe tích cực, phản hồi, tóm tắt, diễn giải hay đưa ra những câu hỏi khám phá cảm xúc, suy nghĩ của thân chủ, những câu hỏi khiến thân chủ suy ngẫm lại sự thống nhất trong câu nói và biểu hiện và thực tế của bản thân. Kích lệ và động viên thân chủ tham gia chia sẻ càng nhiều, việc hiểu biết của NVXH và thân chủ càng được tăng cường, qua đó NVXH phát hiện được vấn đề, giúp thân chủ nhận thức được cảm xúc tâm tư thực sự của mình, những khó khăn mà mình cần đang phải đối đầu.

Khi làm việc với nhóm/gia đình, giai đoạn hiểu biết này cần giúp cho thành viên nhóm tăng cường sự hiểu biết về nhau thông qua các hoạt động điều phối và tuân thủ các giá trị nhóm trong quá trình điều hành. Việc bộc lộ bản thân của người điều phối sẽ thúc đẩy sự chia sẻ của các thành viên nhóm. Ngoài ra, NVXH cần tạo một môi trường an toàn, cởi mở để các thành viên có thể chia sẻ được nhiều nhất. Với cách điều phối, đặt câu hỏi, tác động vào sự tương tác của các thành viên, giúp các thành viên tương tác với nhau, NVXH giúp cho mỗi thành viên nhận thức ra được những suy nghĩ sai lệch, những hạn chế cũng như năng lực của mỗi thành viên. Qua việc được nâng cao nhận thức và năng lực, thành viên nhóm sẽ có những ý tưởng, kế hoạch cho sự thay đổi.

- **Thay đổi:**

Giai đoạn thay đổi đòi hỏi NVXH trợ giúp thân chủ xác định được vấn đề mấu chốt của bản thân, tự phân tích những nguyên nhân dẫn đến các vấn đề mà mình đang gặp phải. Từ đó, thân chủ sẽ có mong muốn thay đổi và tìm kiếm giải pháp để thay đổi. Sự hỗ trợ của NVXH là thúc đẩy khả năng phân tích về điểm mạnh, hạn chế của các giải pháp do thân chủ đưa ra, phân tích tính thực thi của giải pháp để thân chủ đưa ra quyết định giải pháp phù hợp với hoàn cảnh điều kiện của họ. NVXH cần hỗ trợ tăng cường năng lực để họ có thể thực hiện các giải pháp này. Việc giám sát hỗ trợ và kích lệ kịp thời sẽ giúp thân chủ đạt được mục tiêu thay đổi.

Trong hỗ trợ tâm lý cho gia đình và nhóm, NVXH cần thúc đẩy sự tương tác giữa các thành viên để họ có cơ hội hiểu biết nhau hơn trong cả tiến trình trợ giúp. Sự hiểu biết sẽ hỗ trợ cho việc giải quyết các xung đột mâu thuẫn của họ, hoặc sẽ giúp họ biết cách hỗ trợ nhau nhiều hơn.

1.3. Tuyên truyền

Tuyên truyền là các hoạt động tác động cá nhân, cộng đồng hay toàn xã hội nhằm tăng cường những hành vi tích cực để đạt được các mục tiêu đề ra và tạo môi trường ủng hộ để mọi người có đủ năng lực thực hiện và duy trì bền vững các hành vi có lợi.¹¹

1.3.1. Ý nghĩa của tuyên truyền

Đối với người nghèo: Cung cấp các thông tin về chính sách, khoa học kỹ thuật; Tạo cơ hội cho người nghèo tăng cường trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và các kỹ năng trong sản xuất, kinh doanh cũng như trong cuộc sống; Thúc đẩy người nghèo/hộ nghèo tăng cường khả năng liên kết trong làm ăn và cuộc sống; Hỗ trợ / ủng hộ, định hướng người nghèo tiếp cận thông tin phù hợp và hiệu quả; Hỗ trợ /thúc đẩy người nghèo phát triển năng lực phân tích vấn đề và hình thành giá trị, quan điểm sống tích cực để tự vươn lên; Hỗ trợ / thúc đẩy người nghèo / hộ nghèo xây dựng năng lực tự giải quyết vấn đề và ra quyết định; chủ động tham gia và được lắng nghe của người nghèo; Nâng cao vai trò, vị thế của người nghèo / hộ nghèo trong gia đình, cộng đồng và xã hội, nhất là với phụ nữ, trẻ em và nhóm dễ bị tổn thương; Nâng cao nhận thức về tính trách nhiệm, ý thức tự vươn lên thoát nghèo;

Đối với cộng đồng: tuyên truyền nhằm loại trừ hoặc giảm thiểu các xung đột tiềm năng; tăng cường sự đoàn kết trong các cá nhân và tổ chức trong cộng đồng; đảm bảo sự ổn định để phát triển kinh tế, xã hội; Nhận biết và trao quyền / tạo cơ hội cho các nhóm dễ bị tổn thương trong cộng đồng; Nâng cao sự công bằng và bình đẳng trong các hoạt động phát triển xã hội, nhất là tạo cơ hội cho người nghèo nâng cao thu nhập và tham gia vào các hoạt động xã hội; Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và xã hội trong việc đóng góp nguồn lực vật chất cũng như phát triển các chính sách bảo vệ quyền của người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương; Tạo đà hình thành và phát triển luồng dư luận xã hội tích cực nhằm duy trì / củng cố các giá trị / chuẩn mực xã hội phù hợp và loại bỏ những cái không có giá trị / không phù hợp chuẩn mực; Đảm bảo quyền “được biết, được làm, được kiểm tra” của người dân; Nâng cao tính trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và cộng đồng xã hội về công tác giảm nghèo; Tăng cường cơ hội đối thoại chính sách giữa các bên liên quan trong công tác giảm nghèo cũng như giữa người nghèo với các cơ quan này;

1.3.2. Các phương pháp tuyên truyền

Tuyên truyền được thực hiện qua nhiều hình thức: trực tiếp hoặc gián tiếp; qua phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua tờ rơi, áp phích băng rôn; qua các hoạt động sân khấu hóa, qua các buổi sinh hoạt nhóm... Trong làm việc với người nghèo, cách thức tuyên truyền thông qua các cuộc họp nhóm là phương pháp hiệu quả nhất vì nó có phù hợp với khả năng tiếp cận, đáp ứng được đặc thù của người nghèo và đóng góp vào việc nâng cao năng lực trong quá trình tham gia các sinh hoạt nhóm. Nội dung dưới đây sẽ trình bày về các bước thực hiện truyền thông qua sinh hoạt nhóm.

¹¹ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011), Tài liệu tập huấn cán bộ XDGN xã, huyện, nxb Lao động-Xã hội

1.3.3. Các bước thực hiện truyền thông qua các cuộc họp nhóm

Bước 1. Phân tích vấn đề, lựa chọn ưu tiên: Xác định những vấn đề đang được nhóm/ cộng đồng quan tâm, phân tích các vấn đề đó, sắp xếp thứ tự các vấn đề đó theo mức độ tác động tới người nghèo, hộ nghèo, lựa chọn vấn đề ưu tiên để triển khai.

Bước 2. Xác định người tham gia và phân tích đối tượng: Người tham gia phải phù hợp với mục tiêu hoạt động, số lượng không quá đông, lập danh sách người tham gia với những thông tin cơ bản. Cụ thể những người cần được tham gia truyền thông là ai, nhóm nào, nếu tác động vào nhóm đó, thực sự đã đạt được mục đích của truyền thông chưa?

Bước 3. Xác định thời gian và địa điểm: thời gian các cuộc họp cần được các thành viên trong nhóm thống nhất xem bao nhiêu lần thì họp 1 lần, họp vào giờ nào, thời gian họp bao lâu, địa điểm có thể linh hoạt; Trong xác định thời gian phải chú ý tới tính phù hợp với đặc điểm của địa phương, của nhóm đối tượng truyền thông để đảm bảo rằng những người trong dự định đến đủ nhất có thể.

Bước 4. Xác định nguồn lực, đánh giá rủi ro: Người chịu trách nhiệm chính, người giám sát, hỗ trợ, trang thiết bị, ước lượng kinh phí, đánh giá rủi ro: lượng giá những rủi ro về số lượng tham gia, sự tích cực tham gia, sự ủng hộ các chủ trương chung... có thể gặp phải.

Bước 5. Lựa chọn phương pháp và công cụ: Thảo luận nhóm theo chủ đề, động não, trình diễn, sắm vai, kịch ngắn, phân tích trường hợp... Thẻ màu / trò chơi, phim ảnh, vật dụng, thiết bị hỗ trợ...; Việc lựa chọn phương pháp hay công cụ nào cần tính toán phù hợp với đặc điểm về độ tuổi, yếu tố tâm sinh lý, phù hợp với nội dung truyền tải và phù hợp với năng lực của người thực hiện.

Bước 6. Xây dựng nội dung, thiết kế thông điệp: Nội dung phải phù hợp với nhận thức năng lực và tư duy cũng như đáp ứng được nhu cầu của người nhận tin, rõ ràng, chính xác, thông tin đầy đủ và có tính logic, cụ thể gắn gũi với cuộc sống hàng ngày, đưa thông tin quan trọng vào đầu mỗi nội dung, nhắc lại và đề nghị người tham gia nhắc lại nhiều lần và khẳng định những thông tin then chốt vào cuối mỗi nội dung;

Bước 7. Xây dựng năng lực hỗ trợ viên: Trong mỗi lần truyền thông, cần tìm kiếm và xác định được một (số) nhân tố tích cực, có năng lực để xây dựng năng lực cho họ. Quá trình họ được tham gia, họ sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về chủ đề truyền thông, kỹ năng thiết kế và tổ chức một cuộc họp nhóm, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng hỗ trợ nhóm chẳng hạn như kỹ năng đặt câu hỏi, lắng nghe, quan sát, phản hồi, tóm ý/ tổng hợp ý, trình bày và dung hòa nhóm, có kiến thức về truyền thông.

Bước 8. Tổ chức thực hiện: Triệu tập các cuộc họp tại thôn / bản/khu phố, sắp xếp không gian phòng họp, thống nhất mục tiêu cuộc họp, phương pháp, nguyên tắc làm việc nhóm, nêu vấn đề / tìm hiểu khó khăn vướng mắc, cung cấp thông tin, giải pháp, hỗ trợ nhóm ra quyết định, lập kế hoạch, tổng hợp buổi họp và thúc đẩy hành động, thống nhất chủ đề, thời gian, địa điểm buổi họp sau, cảm ơn và kết thúc.

Bước 9. Giám sát và đánh giá: Giám sát: thông qua kế hoạch hoạt động chi tiết, báo cáo, quan sát các buổi họp, qua đồng nghiệp, qua người hưởng lợi, nhật ký công việc. NVXH đánh giá về thái độ, hành vi người tham dự, thực hiện; tổ chức các họp rút kinh nghiệm; họp thường kỳ. Mỗi thành viên tự đánh giá về những nội dung hoạt động ở những mặt được, mặt hạn chế. Trong bước này cần tạo một không khí thoải mái, cởi mở, chân thành và mang tính xây dựng.

1.3.4. Một số yêu cầu trong truyền thông nhóm

Truyền thông nhóm là truyền thông trực tiếp và bằng lời nói, vì thế yêu cầu đầu tiên đối với truyền thông nhóm là khả năng diễn đạt của người nhân viên xã hội: diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, có bố cục khoa học để hiệu quả trong chuyển tải thông điệp.

Vì làm việc với cả một nhóm người, khả năng quản lý các hoạt động của nhóm trong buổi tuyên truyền đòi hỏi sự chuẩn bị về kiến thức chuyên môn cần thiết một cách chắc chắn để đảm bảo không bối rối trước các câu hỏi của thành viên nhóm trong quá trình truyền thông. Ngoài ra, NVXH cần biết cách xử lý các tình huống bất ngờ khi bản thân chưa sẵn sàng cho câu hỏi, chẳng hạn khi gặp câu hỏi khó, ngoài phạm vi chuyên bị của bản thân, NVXH cần trung thực với bản thân nhưng cũng cần chỉ ra khả năng giải quyết tình huống đó.

Khi thực hiện truyền thông nhóm, người NVXH cần có được năng lực điều phối tốt để tránh tình trạng căng thẳng của thành viên nhóm do khối lượng thông tin quá nhiều hoặc do những xung đột xảy ra trong nhóm khi có nội dung dễ thúc đẩy việc trình bày quan điểm hay chính kiến của người tham gia. Người điều phối phải giúp cho các thành viên nắm được nguyên tắc của thảo luận nhóm, đó là sự tôn trọng, và hợp tác. Những khẩu hiệu được đề ra cho cả nhóm thông qua: "Mọi người đều có quyền nói"; nhưng "Mỗi lần một người nói"; "Hãy cư xử với người khác như những gì bạn mong muốn người ta cư xử với mình"... Những khẩu hiệu này có thể để cho chính thành viên nhóm xây dựng nên, nếu cần NVXH sẽ gợi ý hoặc bổ sung và xin ý kiến của họ.

BÀI PHÁT HUY NỘI LỰC CỘNG ĐỒNG



Nhiều cộng đồng nghèo, đặc biệt là các cộng đồng vùng sâu vùng xa, cộng đồng dân tộc thiểu số còn trông chờ vào sự trợ giúp của nhà nước mà chưa thực sự phát huy năng lực cá nhân để tạo sự thay đổi cho chính họ. Có nhiều lý do khiến người ta trông chờ vào nhà nước. Tuy nhiên, trong số đó cũng có những người không muốn làm những điều khác so với thói quen, có người lo lắng sợ sệt khi phải thay đổi, có người chưa thấy tự tin, cho rằng, thay đổi là một công việc khó họ chưa đủ năng lực, và không ít người có tư tưởng chấp nhận với những gì mình có, và họ không có cơ hội để làm việc gì đó theo ý tưởng của mình vì ngân sách, vì cơ chế, về sự hỗ trợ khác.

Trong khi đó, dù ở trong hoàn cảnh nào, mỗi cá nhân, mỗi hộ gia đình và cộng đồng đều có những năng lực tiềm ẩn. Sức khỏe thể lực của những người trẻ tuổi, tinh thần và kinh nghiệm của những người trưởng thành, sự dấn thân, nhiệt tình vì cộng đồng của một số hạt nhân có đầy tinh thần trách nhiệm, những ý tưởng, sáng kiến của những cá nhân năng nổ, quan tâm tới đời sống cộng đồng. Nhiều nguồn lực cộng đồng về vật chất cơ sở hạ tầng chưa được khai thác do những rào cản liên quan tới cơ chế, sự hỗ trợ và cách thức khai thác.

I. Ý NGHĨA CỦA PHÁT HUY NỘI LỰC CỘNG ĐỒNG

Phát huy nội lực cộng đồng ở đây nhấn mạnh đến việc tăng cường năng lực cho cộng đồng bằng cách trang bị kiến thức kỹ năng làm việc với cộng đồng cho nhóm nòng cốt, qua đó họ có thể điều hành tổ chức các hoạt động phù hợp với bối cảnh văn hóa của địa phương cùng với người dân trong cộng đồng mình một cách hiệu quả nhất.

Nghèo đói tiềm ẩn trong mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng và xã hội. Một gia đình có cuộc sống bình ổn khi gặp một sự cố xảy ra như đau ốm bệnh tật, tai nạn thương vong sẽ nhanh chóng rơi xuống nấc thang của nghèo đói. Một cộng đồng làm ăn trù phú và phát đạt, khi bất chợt phải trải qua một thảm họa thiên nhiên hay bệnh dịch nhanh chóng rơi vào chốn bần cùng, cơ sở hạ tầng hư hỏng, tài sản của mỗi gia đình cuốn trôi theo thảm họa. Vì thế, để giải quyết vấn đề nghèo đói không chỉ tác động vào mỗi cá nhân hộ gia đình hay các nhóm gia đình nghèo tại địa phương mà phải làm việc với cả cộng đồng để có được các chiến lược đối phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra với cộng đồng. Để làm tốt công việc này cần có được một phương pháp tiếp cận của phát triển cộng đồng đó là phương pháp phát huy nội lực cộng đồng để giải quyết vấn đề cộng đồng.

Phương pháp phát triển cộng đồng được thực hiện dựa trên nguyên tắc phát huy tối đa nội lực cộng đồng và sự hỗ trợ về kỹ thuật cũng như các dịch vụ khác để khuyến khích sáng kiến, qua đó sự nỗ lực của dân chúng có hiệu quả hơn¹². Chính vì vậy, quan tâm, tìm kiếm và xây dựng năng lực cho nhân tố tiềm năng trong cộng đồng sẽ thúc đẩy nhanh hơn khả năng tự lực của dân chúng.

Như vậy có thể thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nghèo đói của một cộng đồng, trong đó hạn hẹp về sự ưu đãi của tài nguyên thiên nhiên thường được đề cập như một nguyên nhân cơ bản. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên con người: sức khỏe, trí tuệ, kinh nghiệm sự đam mê cống hiến mới là nguồn tài nguyên bền vững và vô giá thì chưa phải cộng đồng nào cũng nhận thức được. Đây chính là nguyên nhân khiến họ luôn ở trong tình trạng nghèo đói.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY NỘI LỰC

2.1. Nhân tố tiềm năng

Xuất phát từ thực tế rằng những cá nhân có ý tưởng giải quyết vấn đề cộng đồng chưa được phát hiện, bồi dưỡng, chưa được trang bị kiến thức kỹ năng, chưa được tạo điều kiện để phát huy năng lực trợ giúp cho cộng đồng. Phát huy nội lực cộng đồng sẽ hướng tới việc đưa ra các hoạt động nhằm giúp phát hiện những cá nhân tiềm năng này, tăng cường năng lực cho họ- những người có ý tưởng, có cam kết thực hiện các hoạt động vì cộng đồng. Với những kiến thức và kỹ năng học được, họ có thể cùng người dân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động một cách cách hiệu quả.

Phương pháp phát triển cộng đồng lấy con người làm trung tâm. Phương pháp này giả định rằng, để dân chúng có thể tự kiểm soát và định hướng cho số phận của chính họ, trước hết họ phải nhận ra giá trị và sức mạnh của chính họ. Phương pháp phát triển cộng đồng tạo điều kiện cho các thành viên trong cộng đồng được tham gia vào mọi phương diện liên quan tới tiến trình phát triển.

Để thành công, phương pháp giải quyết vấn đề cộng đồng bằng chính nội lực của cộng đồng đòi hỏi một quá trình tăng quyền lực, nâng cao nhận thức và phát huy khả năng lãnh đạo trong cộng đồng. Tìm kiếm những người có khả năng lãnh đạo, phát triển những kỹ năng, kiến thức cần thiết và thái độ thích hợp là điều vô cùng quan trọng. Điều thiết yếu là quá trình này phải được cộng đồng khởi xướng, có thể là một

12 Nguyễn Thị Oanh (1995) Phát triển cộng đồng. Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh- Khoa Phụ nữ học

cá nhân, một nhóm hoặc một tổ chức xã hội trong cộng đồng. NVXH chủ yếu là người đóng vai trò xúc tác, lôi kéo sự tham gia của đông đảo người hướng dẫn trong cộng đồng và cùng họ xác định vấn đề ưu tiên, sau đó vạch ra các chiến lược thay thế cụ thể để giải quyết và chọn lựa những chiến lược phù hợp nhất để triển khai các dự án thực hiện các chiến lược này. Sự tham gia của nhóm nhân tố tiềm năng này là tiến trình dân chủ và tự nguyện, do vậy nó nhấn mạnh đến việc nâng cao ý thức quần chúng ở cấp thấp nhất khi họ được đánh thức để nhận ra năng lực của mình.

2.2. Phát hiện và Xác định nhân tố tiềm năng

Nhân tố tiềm năng là những cá nhân có ý tưởng, sáng kiến và quyết tâm tạo sự thay đổi cộng đồng. Mục đích của việc xác định nhân tố tiềm năng để làm cơ sở nền tảng cho các hoạt động nâng cao năng lực, để chuyển giao kỹ thuật cho chính người dân trong cộng đồng; mục đích cuối cùng để họ biết cách tự giải quyết vấn đề của mình.

Các dự án về dân chủ cơ sở và trao quyền đã được thực hiện bởi nhiều tổ chức phi chính phủ- Actionaid là một trong những tổ chức như thế đã đề cao công việc xây dựng các nhóm nòng cốt trong các hoạt động phát triển cộng đồng.

Việc phát hiện nhân tố tiềm năng được thực hiện qua nhiều kênh, có thể quan sát trực tiếp thông qua các hoạt động cộng đồng hoặc qua việc cung cấp thông tin của người dân và lãnh đạo cộng đồng. Ngoài ra, nhân tố tiềm năng còn có thể được thể hiện qua các cuộc thi sáng kiến liên quan tới những ý tưởng vì cộng đồng. Những cá nhân thể hiện tính tiên phong và có năng lực sẽ được đưa vào tầm ngắm của người NVXH. Tới thời điểm đủ để thông báo chính thức về những thành viên này như là những người đại diện cho cộng đồng tổ chức thực hiện các hoạt động đạt mục tiêu thay đổi cộng đồng, NVXH cần có sự thông qua của cán bộ địa phương và chính bản thân những cá nhân tiềm năng này.

Hiện nay trong bối cảnh văn hóa chính trị ở các địa phương nói chung, thành viên tiềm năng thường nằm trong các lực lượng thanh niên, phụ nữ, các hội như Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi hay mặt trận tổ quốc. Thành phần tham gia trong nhóm nòng cốt này không giới hạn và hạn chế về số lượng, điều quan trọng là sự tự nguyện và khả năng ảnh hưởng cũng như ý tưởng cho giải quyết vấn đề của cộng đồng.

2.3. Xây dựng năng lực cho nhân tố tiềm năng và năng lực cộng đồng

Tác viên cộng đồng là người tham gia vào việc cải thiện đời sống của cộng đồng, đặc biệt là hỗ trợ các nhóm yếu thế thiệt thòi. Công việc cần thực hiện của người tác viên cộng đồng là thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào triển khai các dự án để có thể cải thiện các vấn đề hiện tại. Tuy nhiên, để thực sự cộng đồng đó có năng lực giải quyết vấn đề khi người tác viên cộng đồng rút lui, việc tăng cường năng lực cho đội cộng đồng và đội ngũ tiềm năng này cần được thực hiện một cách khoa học và có chiến lược.

Tăng cường năng lực là khái niệm được cho là then chốt trong thực hiện các dự án phát triển cộng đồng, là kết quả cuối cùng của một dự án tại cộng đồng có sự tham gia của người dân. Một trong những chiến lược để tăng cường năng lực cộng đồng là tăng cường kỹ năng làm việc nhóm cho các thành viên tiềm năng thông qua các hướng dẫn các hoạt động tổ chức tập huấn, điều phối thảo luận nhóm, phương pháp xác định nhu cầu cộng đồng và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện giải quyết vấn đề cộng đồng.

Khi làm tốt công tác xây dựng năng lực cho những nhân tố tiềm năng trong cộng đồng, người nghèo và người dân nói chung trong cộng đồng sẽ có đủ năng lực, tự tin tham gia vào các hoạt động dự án và có khả năng thực hiện các đề xuất giải quyết vấn đề cộng đồng bằng chính năng lực của mình. Do vậy, các hoạt động hướng tới việc nâng cao năng lực của nhân tố tiềm năng sẽ tập trung vào việc: hướng dẫn tổ chức tập huấn trang bị kiến thức kỹ năng; kỹ năng thúc đẩy sự tham gia trong thảo luận nhóm; hướng dẫn các bước trong tiến trình xây dựng dự án PTCD.

2.3.1. Hướng dẫn tổ chức tập huấn

Nội dung trong các buổi tập huấn nhằm tăng cường năng lực làm việc nhóm; trang bị các kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề của họ; Để xác định tốt các nội dung cần tập huấn, NVXH cần đánh giá nhu cầu từ phía người dân, đặc biệt là xác định nhu cầu từ những nhóm dễ tổn thương, những người yếu thế trong cộng đồng.

Tăng cường năng lực cộng đồng được bắt đầu bằng việc nâng cao năng lực cho nhóm nòng cốt gồm những thành viên tiềm năng. Qua đó, các thành viên nhóm nòng cốt có thể thực hiện được việc tập huấn cho cộng đồng. Để làm được điều này, NVXH cần có những buổi tập huấn riêng cho họ. Khi tổ chức tập huấn chỉ có nhóm nòng cốt, NVXH cần tuân thủ một số yêu cầu sau:

- Khuyến khích các thành viên nhóm suy nghĩ, thảo luận về các chủ đề cần được tập huấn;
- Thực hiện việc cung cấp thông tin, trang bị kỹ năng cho nhóm;
- Lưu ý các thành viên về việc quan sát ghi chép lại từng bước trong tổ chức tập huấn mà họ được trải nghiệm;
- Tổ chức lượng giá tập huấn về 2 mặt: Nội dung kiến thức kỹ năng đã học tập được và phương pháp tập huấn mà họ học tập được;
- Khích lệ các thành viên thảo luận về phương pháp tổ chức tập huấn.

Phương pháp tập huấn

Trong tập huấn, người ta sử dụng nhiều phương pháp để đạt được mục tiêu. Một số phương pháp thường được sử dụng trong tập huấn là: thuyết trình, tọa đàm, chia nhóm thảo luận về các trường hợp điển hình, sử dụng tranh ảnh băng hình và tổ chức các chuyến thăm quan mô hình. Tuy nhiên, tùy theo từng nhóm thân chủ, trình độ hiểu biết và nội dung tập huấn mà NVXH sử dụng các phương pháp khác nhau để mang lại hiệu quả như mong muốn. Các hình thức tập huấn thu hút sự tham gia của nhiều người luôn là những phương pháp được coi trọng vì trong giáo dục sự tham gia của người học mang lại sự thay đổi cho chính bản thân họ về nhận thức, hành vi, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề của người học.

Các bước trong thực hiện tập huấn

Các nội dung cụ thể	Vận dụng vào trường hợp cụ thể
Xác định thân chủ tham gia tập huấn	Nhóm phụ nữ nghèo đơn thân nuôi con nhỏ tại Đông Anh- Hà Nội
Tìm hiểu về đặc điểm của thành phần tham gia tập huấn nhiều nhất có thể	Đời sống kinh tế: thu nhập bấp bênh do việc không ổn định Thời gian có thể tham gia tập huấn: Thứ 7 và chủ nhật Trình độ học vấn: 50% chưa tốt nghiệp phổ thông và 50% Trình độ cao đẳng Độ tuổi: 23- 30 Khó khăn nhất hiện nay của cha mẹ: hạn chế hiểu biết về kiến thức dinh dưỡng cho trẻ
Xác định mục tiêu của tập huấn	Trang bị kiến thức và kỹ năng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ
Xác định địa điểm và thời gian tập huấn	Tại nhà văn hóa cộng đồng vào 2 tối thứ 7
Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và phát tay	Dựa trên tình hình thực tiễn về tài chính và trình độ của học viên để lựa chọn tài liệu phát tay
Xác định phương pháp tập huấn và các công cụ cần thiết	Thảo luận nhóm, các tình huống cụ thể về các trường hợp trẻ khó ăn, các loại thực phẩm thường dùng tốt cho sức khỏe của bé, cách thức cho trẻ ăn một cách khoa học
Chuẩn bị văn phòng phẩm cần thiết	Giấy màu, giấy A0, bảng, máy tính, máy chiếu
Chuẩn bị giấy mời	Chị em phụ nữ trong độ tuổi và có con nhỏ thiếu kiến thức, hiểu biết về chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ
Xây dựng kế hoạch kinh phí	Dựa vào thực tiễn số người để tính toán được ngân sách cho các văn phòng phẩm và giải khát cần thiết Thù lao mời chuyên gia dinh dưỡng
Chuẩn bị các tình huống và giải pháp dự phòng	Chị em phụ nữ không đến đủ như mong muốn Chuyên gia dinh dưỡng vì lý do đột xuất không tới tham dự được
Dự đoán các câu hỏi có thể được đề cập bởi học viên và chuẩn bị câu trả lời	Một số câu hỏi liên quan tới các nhóm trẻ có các bệnh đặc thù như với trẻ bị hen, trẻ nhiễm HIV....

Lưu ý:

- Tất cả các nội dung trên cần được thực hiện phù hợp với thành phần tham gia và điều kiện hiện có của địa phương.
- Cần chuẩn bị các giải pháp hỗ trợ và thay thế cho tất cả các nội dung: đặc biệt là trang thiết bị liên quan tới điện và các kỹ thuật khác.
- Trong trường hợp cần tới các nguồn lực về chuyên môn, việc vận động huy động nguồn lực từ những nhà chuyên môn trong cộng đồng được đặt lên hàng đầu. Nếu phải cần tới nhà chuyên môn và chuyên gia ở những nơi khác, cần phải chú ý tới nguồn kinh phí hỗ trợ đi lại cũng như trả công cho việc trình bày của họ. Lúc này cần phải tổ chức tốt việc huy động nguồn lực. Mạng lưới nguồn lực lúc này được phát huy.

Triển khai tập huấn

Các nội dung cụ thể:

- Giới thiệu làm quen giữa các học viên và người thực hiện tập huấn;
- Mong muốn về khóa tập huấn: Nội dung, phương pháp học tập;
- Triển khai nội dung theo thứ tự kế hoạch tập huấn đã soạn thảo;
- Tóm lược các nội dung của tập huấn sau mỗi buổi;
- Thúc đẩy và lắng nghe phản hồi của học viên sau tập huấn.

Lưu ý: Lắng nghe, quan sát và phản hồi tích cực với học viên; linh hoạt trong cách ứng xử các tình huống xảy ra.

Sau tập huấn

Các nội dung cụ thể:

- Ghi chép lại các hoạt động được diễn ra trong tập huấn;
- Ghi lại các phát hiện liên quan tới học viên: Nhu cầu mới, năng lực hiện nay, khí chất của một số thành viên đặc biệt...
- Tổng hợp kết quả đánh giá của học viên;
- Kết luận về điểm mạnh và hạn chế của khóa tập huấn;
- Bài học rút kinh nghiệm và nội dung tập huấn cho lần sau (nếu có thể thực hiện);
- Đề xuất thay đổi/ điều chỉnh cho lần sau tập huấn.

Lưu ý:

- Tìm hiểu các phản hồi của học viên có thể qua phiếu đánh giá hoặc có thể gián tiếp qua nói chuyện hoặc phỏng vấn
- Sáng tạo trong phương pháp lấy ý kiến học viên- nên chuẩn bị công cụ lượng giá buổi tập huấn phù hợp với thành phần tham gia, tránh tình trạng gây căng thẳng cho học viên.

3.3.2. Hỗ trợ phương pháp thúc đẩy sự tham gia bằng thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là hoạt động hướng tới nhiều mục đích, đặc biệt trong làm việc với người yếu thế. Thảo luận nhóm nhằm để thu thập thông tin có phản hồi, phản biện của cá thành viên khi tham gia hoạt động; thảo luận nhóm tăng cường được cơ hội chia sẻ và thể hiện của mỗi cá nhân; thảo luận nhóm tăng cường khả năng tự nhận thức về bản thân; thảo luận nhóm nhằm làm tăng cường sự gắn kết của mọi người tham gia thảo luận. Tuy nhiên, để đạt được các mục tiêu này, thảo luận nhóm yêu cầu người thực hiện điều phối phải đảm bảo một số yêu cầu về đạo đức, tác phong và một số kỹ năng cơ bản, cụ thể:

- Đảm bảo sự mẫu mực về các hành vi ứng xử của một người biết tôn trọng, quan tâm tới mọi người.

- Coi trọng giá trị hợp tác và bộc lộ được cách làm việc dân chủ trong điều hành thảo luận nhóm.
- Có khả năng thu hút thúc đẩy sự tham gia của mọi người.
- Có thể tổ chức được các hoạt động thư giãn, các trò chơi hiệu quả cho việc tạo bầu không khí nhóm và thúc đẩy mục tiêu làm việc nhóm.

Về kỹ năng và kỹ thuật tổ chức thảo luận nhóm:

Ngoài việc sắp xếp về thời gian, địa điểm và lựa chọn số người tham gia phù hợp cho cuộc thảo luận, NVXH cần có được các kỹ năng thúc đẩy sự tham gia của mọi người. Những kỹ năng như thăm dò, kỹ năng diễn giải, kỹ năng tóm tắtNội dung dưới đây sẽ cung cấp một số kỹ năng để thúc đẩy sự tham gia trong quá trình làm việc nhóm.

Kỹ năng thăm dò:

Có thể ví von, kỹ năng thăm dò giống như là việc bóc hành tây, từng lớp vỏ được bóc để lộ ra vấn đề cốt lõi. Kỹ năng thăm dò cho phép NVXH:

- Khai thác khả năng của mọi người về vấn đề đang được quan tâm, cảm xúc đang được giấu kín;
- Làm rõ các câu hỏi, thông tin đầu vào và quan điểm của họ;
- Tạo ra sự đối thoại;
- Giải quyết được vấn đề.

Làm thế nào để thăm dò tốt? Dưới đây là một số gợi ý về những điều **NÊN** và **KHÔNG NÊN** trong điều hành thảo luận nhóm.

Nên	Không nên
- Chăm chú lắng nghe	- Phán xét trong khi lắng nghe
- Hỏi tiếp sau khi đã hiểu câu trả lời trước đó	- Chuyển từ chủ đề này sang chủ đề khác vội vã, không có sắp xếp khoa học.
- Làm sáng tỏ thông tin	- Đưa ra giả định
- Tìm ra vấn đề cốt yếu hoặc những điểm chính	- Mất phương hướng vì sa vào các chi tiết vụn vặt

Một số câu hỏi giúp thăm dò tốt:

- Bạn có giải thích thêm gì không?
- Bạn có thể nói nội dung này theo cách khác không?
- Bạn có thể cho tôi biết thêm về việc đó được không?
- Nhưng tại sao? Như thế nào? Ai? ở đâu?
- Còn gì nữa không?

Kỹ năng diễn giải

Kỹ năng diễn giải là nói lại những gì người khác nói bằng ngôn từ của mình

Lợi ích:

- Kiểm tra xem thực sự mình đã nghe đúng, hiểu đúng ý của người cùng giao tiếp không;
- Giúp trấn tĩnh, sáng tỏ những điều vừa được chia sẻ và khẳng định việc bạn lắng nghe với người;
- Sẽ khuyến khích mọi người nói ra ý nghĩ của mình có thể là sự nhất trí, hoặc điều chỉnh hoặc thấy được khích lệ vì ý kiến của mình được ghi nhận.

Khi nào thì diễn giải?

- Khi ai đó nói dài dòng chưa rõ ý, hoặc
- Trong nội dung giao tiếp có nhiều vấn đề phức tạp, khó hiểu, chưa thoát ý.

Diễn giải có nhiều ý nghĩa tuy nhiên chú ý không liên tục diễn giải vì mất nhiều thời gian và gây chán với người giao tiếp.

Mô hình 4 bước của diễn giải:

- 1) Lắng nghe chăm chú: Thông qua ánh mắt tập trung vào người nói chuyện, gật đầu, tư thế ngồi hơi nghiêng về phía người giao tiếp, không làm việc riêng...
- 2) Dùng ngôn từ của mình nói theo cách khác: Khi nhận thấy cần phải diễn giải, NVXH nên nói:
 - “Mình hiểu là...?”
 - “Không biết mình hiểu có đúng không...?”
 - “Hình như bạn/anh/chị định nói rằng...?”
 - “Có phải ý của bạn/anh/chị là...?”
 - “Tôi hiểu như thế này có đúng không...?”
- 3) Kiểm tra lại bằng cách hỏi: “Như vậy có đúng không??”
- 4) Nếu hiểu sai thì tiếp tục diễn giải theo cách khác để làm rõ thông tin mà người giao tiếp vừa chia sẻ.

Kỹ năng đối thoại

Đối thoại là một cuộc nói chuyện cởi mở thẳng thắn trong đó những người đối thoại đều có chung trách nhiệm và cố gắng hiểu nhau. Đối thoại khác với tranh luận. Thăm dò và diễn giải là hai kỹ năng hỗ trợ cho kỹ năng đối thoại

Để tổ chức được buổi đối thoại tốt, người điều phối cần:

- Tạo bầu không khí tin cậy lẫn nhau;
- Mở rộng cánh cửa chia sẻ và lắng nghe;

- Khuyến khích hiểu biết nhau;
- Khuyến khích giải quyết vấn đề một cách hiệu quả;
- Khuyến khích các giải pháp tổng thể.

Các bước thực hiện một buổi tọa đàm hiệu quả:

- Xác định rõ mục tiêu buổi tọa đàm;
- Nhấn mạnh đến sự tôn trọng lắng nghe của các thành viên;
- Thăm dò, diễn giải và khuyến khích các thành viên tôn trọng, lắng nghe các thành viên khác.

Vì tọa đàm thường hướng tới việc làm rõ ràng, minh bạch về (một) vấn đề gì đó giữa những người có liên quan: thường là người chịu ảnh hưởng và người chịu trách nhiệm. Việc tổ chức một buổi tọa đàm dạng này có ý nghĩa hết sức to lớn đối với việc tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là của nhóm tổn thương như nhóm người nghèo. Để tổ chức cuộc tọa đàm thành công, NVXH ngoài các kỹ năng trên cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong từng bước của tiến trình như việc xác định vấn đề/nhu cầu (lý do gì cần tổ chức tọa đàm); làm việc với cán bộ có liên quan trước để thông tin lại nhu cầu được chia sẻ thông tin của người dân. Trong nhiệm vụ này, người NVXH cần hết sức khéo léo diễn đạt để không ảnh hưởng tới mối quan hệ của các thành viên trong cộng đồng và người dân với những cán bộ/ người có liên quan.

Kỹ năng tổ chức một cuộc họp và tóm tắt kết quả thảo luận trong cuộc họp

Nâng cao năng lực cho thành viên tiềm năng có nhấn mạnh tới năng lực tổ chức các cuộc thảo luận nhóm, tổ chức một cuộc họp. Để các hoạt động này hiệu quả, việc tóm tắt lại kết quả thảo luận cần phải làm tốt để thành viên tham gia có thể học hỏi được nhiều qua hoạt động thảo luận.

Hướng dẫn xây dựng chương trình một cuộc họp: NVXH hỗ trợ thành viên nhóm tiềm năng suy nghĩ về những điều gì cần quan tâm khi tổ chức một cuộc họp nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó. Dưới đây là một số câu hỏi mà nhóm cần lưu ý trước khi tổ chức cuộc họp:

- Chúng ta cần mời ai tới tham dự cuộc họp?
- Chúng ta cần mời bao nhiêu người?
- Thành phần như thế nào là hợp lý?
- Với số người như thế, địa điểm họp nên ở đâu?
- Cần hậu cần như thế nào?
- Chúng ta cần có các hoạt động gì trong cuộc họp,
- Trình tự thực hiện các hoạt động đó;
- Mỗi hoạt động như thế, cần phương pháp gì? Các trang thiết bị cần thiết để triển khai theo nội dung theo phương pháp đó.
- Với mỗi hoạt động như thế cần bao nhiêu thời gian?

- Người tham dự cuộc họp cần chuẩn bị những gì?

Sau cuộc họp cần tóm tắt lại các nội dung đã được trình bày. Đây là nội dung hết sức quan trọng vì tóm tắt tốt sẽ giúp cho người tham dự có thể nhớ, hiểu tốt nhất những gì mà họ đã được nghe chia sẻ trong cuộc họp. Nó như những cái móc câu (hook) còn mắc lại trong mỗi người. Vì vậy, cần phải có kỹ năng để thực hiện tốt việc này.

Dưới đây là một số lưu ý cho việc tóm tắt kết quả thảo luận:

- Tập trung quan sát và lắng nghe;
- Tìm ra các ý chính, các nhóm ý kiến;
- Nhớ, hoặc ghi tóm tắt các ý chính;
- Khái quát, so sánh tư duy phản biện;
- Khi tóm tắt cần làm nổi bật những ý chính;
- Khái quát, so sánh và hướng các nội dung tới mục tiêu của buổi họp;
- Nhấn mạnh bằng trực quan hoặc giọng nói khi kết luận.

3.3.3. Phương pháp xây dựng các dự án Phát triển cộng đồng

Chỉ người dân trong cộng đồng mới biết họ có nhu cầu gì và cách thức đáp ứng nhu cầu đó phù hợp với văn hóa địa phương. Các dự án PTCĐ nhằm giải quyết và phòng ngừa nghèo đói cần được xây dựng thực hiện và giám sát bởi chính người dân trong cộng đồng. do vậy, những thành viên tiềm năng trong cộng đồng cần được cung cấp các kiến thức xây dựng các dự án PTCĐ cho địa phương của mình. Phần tiếp theo đây là các hướng dẫn cách thức thực hiện các bước của dự án PTCĐ: (1) Hiểu biết về cộng đồng (2) đánh giá nhu cầu cộng đồng; (3) Lập kế hoạch (4) thực hiện các hoạt động (5) Lượng giá.

Hiểu biết về cộng đồng

Hướng dẫn cho nhóm nòng cốt biết các nội dung cần tìm hiểu trong bước này.

Gợi ý những nội dung cụ thể:

Cơ cấu chính trị hành chính¹³

¹³ trích trong tài liệu "Nâng cao năng lực cộng đồng"

- Đặc điểm dân số và đặc tính dân cư khu vực;
- Các hoạt động kinh tế;
- Sự phân tầng xã hội và các mối quan hệ có liên quan tới quyền lực;
- Các tổ chức trong cộng đồng, chức năng và các khía cạnh hoạt động của các tổ chức này;
- Phương thức lãnh đạo và ảnh hưởng của phương thức lãnh đạo này đối với sự phát triển cộng đồng;
- Những khía cạnh văn hóa hay truyền thống cộng đồng;
- Tình trạng sức khỏe dinh dưỡng;
- Giáo dục;
- Những vấn đề cấp thiết và vấn đề cần phải giải quyết;
- Nhóm nghèo nào có nhu cầu cấp bách nhất.

- Lưu ý với nhóm nòng cốt về các nhiệm vụ cần thực hiện trong bước này gồm xác định các nguồn cung cấp thông tin, các kỹ thuật thu thập thông tin và cách phân tích các thông tin
- Về nguồn thông tin, cần để các thành viên trong nhóm nòng cốt bàn luận về nguồn thông tin nào là hợp lý, phù hợp với mục đích tìm hiểu về cộng đồng, phù hợp với thực tế tại cộng đồng.

- Các văn bản hồ sơ giấy tờ của các cơ sở, tổ chức trong địa bàn;
- Các báo cáo hay tài liệu điều tra khảo sát trước đó có liên quan tới lĩnh vực mà cộng đồng đang quan tâm;
- Các thành viên trong cộng đồng;
- Những người lãnh đạo cộng đồng;
- Những người có ảnh hưởng tới cộng đồng (người già, trưởng tộc, trưởng lão...);
- Các nhân viên hoặc lãnh đạo thuộc tổ chức phi chính phủ;
- Các chính trị gia hoặc các đại diện chính quyền cấp trên sống trong khu vực.

- Về các kỹ thuật thu thập thông tin, NVXH cần hướng dẫn nhóm nòng cốt suy nghĩ về các phương pháp thu thập thông tin thông thường;
- Hướng dẫn họ thảo luận cách thức thu thập thông tin như thế nào là phù hợp và hiệu quả;
- Cho họ thảo luận về điểm mạnh và hạn chế của mỗi phương pháp thu thập thông tin;

Dưới đây là một số gợi ý về điểm mạnh, điểm hạn chế của mỗi phương pháp thu thập thông tin.

Phương pháp	Điểm mạnh	Điểm hạn chế
Đọc tài liệu có sẵn	<p>Được đọc mọi lúc, mọi nơi, nhanh, linh hoạt, được nhiều thông tin; Không mất nhiều thời gian để giao tiếp.</p>	<p>Thông tin có thể thiếu cập nhật</p> <p>Độ chính xác chưa cao;</p> <p>Phụ thuộc vào khả năng tổng hợp thông tin</p>
Sử dụng phiếu hỏi	<p>Thu thập được nhiều thông tin;</p> <p>Nhiều người tham gia trong một thời gian ngắn;</p> <p>Không tốn kém nhiều thời gian và công sức;</p> <p>Người trả có thể không cần công khai danh tính.</p>	<p>Một số người không biết chữ khó tham gia;</p> <p>Yêu cầu về chất lượng phiếu hỏi;</p> <p>Chất lượng thông tin có vấn đề khi việc điền mẫu không nghiêm túc và thiếu sự chỉ dẫn của người thu thập thông tin;</p> <p>Không chủ động được thời gian vì việc nộp phiếu hỏi phụ thuộc vào người tham gia.</p>
Quan sát	<p>Chính xác khi</p> <p>Tạo được mối quan hệ</p>	<p>Chủ quan, tốn thời gian tiền bạc, không phát hiện được điều người ta suy nghĩ, sự có mặt của nghiên cứu viên có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của thông tin được cung cấp</p>
Thảo luận nhóm	<p>Nhiều thông tin, nghe được nhiều chiều, tăng cường được sự gắn kết;</p> <p>Có thể sử dụng với mọi nhóm già trẻ, biết chữ, không biết chữ;</p> <p>Có khả năng thảo luận sâu từng vấn đề;</p> <p>Có được phản hồi tức thời;</p> <p>Cho phép bộc lộ tình cảm cũng như hiểu biết của bản thân.</p>	<p>Yêu cầu về cơ sở vật chất;</p> <p>Chất lượng thảo luận nhóm phụ thuộc vào năng lực người điều hành thảo luận trong khi điều hành nhóm là một kỹ năng được đào tạo.</p> <p>Không giữ kín được danh tính nên ở nhiều chủ đề phương pháp này không thể thu được thông tin hoặc thông tin chưa chính xác vì người tham gia che dấu bằng nhiều hình thức.</p> <p>Khó theo dõi kỹ ai có quan điểm như thế nào;</p> <p>Các nhóm đồng quan điểm dễ chệch hướng.</p>

Thực địa	Nhiều thông tin, thông tin đáng tin cậy, tạo lập được mối quan hệ	Mất nhiều thời gian, tốn kém tiền của...
Phỏng vấn	<p>Có thể sử dụng với mọi nhóm đối tượng biết chữ hoặc không biết chữ</p> <p>Linh hoạt, có thể điều chỉnh các câu hỏi sâu phù hợp với đối tượng tham gia</p> <p>Thu thập được nhiều thông tin mà có thể người nghiên cứu chưa tính tới;</p> <p>Có thể điều chỉnh khi phát hiện những nhóm thông tin mới có thể xuất hiện trong quá trình thao tác công cụ.</p> <p>Giúp làm sáng tỏ thêm nhiều điều cho những gì còn chưa rõ trong thông tin phiếu hỏi</p>	<p>Tốn nhiều thời gian, có thể định kiến dẫn đến thiếu khách quan</p> <p>Đòi hỏi có kỹ năng phỏng vấn</p> <p>Chỉ tiếp xúc được ít người</p> <p>Người trả lời đôi lúc cả nể nên trả lời làm hài lòng người thu thập thông tin</p> <p>Danh tính người trả lời câu hỏi không được giữ kín</p>

Sau khi thu thập được các thông tin, NVXH đề nghị người dân vẽ về chân dung cộng đồng mình.

Chân dung cộng đồng

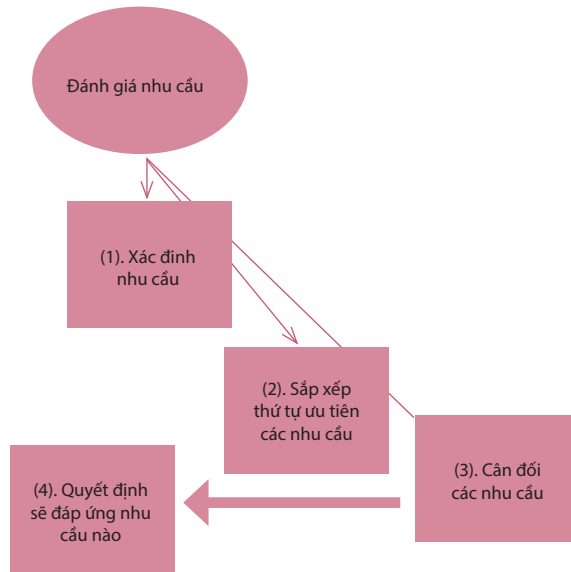
Chân dung cộng đồng được hiểu là một bản đồ xã hội của cộng đồng trong đó thể hiện cấu trúc, các cơ sở hạ tầng, cách thức làm ăn kinh tế của các hộ dân, các vấn xã hội và thực trạng về các công trình phúc lợi an sinh, văn hóa, tôn giáo trong cộng đồng. Chân dung cộng đồng được xây dựng bởi nhóm những người tham gia gồm người dân tích cực và sự hướng dẫn của tác viên cộng đồng với vai trò là cán bộ PRA. Với sự tham gia của người dân, chân dung cộng đồng sẽ được hình thành thể hiện bằng hình ảnh và những ghi chú cần thiết.

Đánh giá nhu cầu cộng đồng

Hiểu về việc đánh giá nhu cầu:

- Đánh giá nhu cầu cộng đồng là việc xác định sự khác biệt giữa “tình trạng hiện nay” với “tình trạng mong muốn đạt được”.
- Để đánh giá tốt cần phải xem xét việc đánh giá là tiến trình xác định và đo lường được những khoảng cách cách biệt đó, xem xét xem những cách biệt nào ưu tiên phải được xóa bỏ trước.
- Khi đánh giá nhu cầu của cộng đồng có sự tham gia của người dân, của các nhóm đối tượng yếu thế đặc biệt là những người có bị ảnh hưởng/hưởng lợi trực tiếp từ kế hoạch cộng đồng sẽ củng cố và động viên sự gắn bó của cộng đồng đối với dự án, khiến cho họ thấy dự án/kế hoạch này là của họ, chính họ là người “sở hữu” dự án, qua đó tăng cường tính trách nhiệm của mỗi người.

Khung xác định nhu cầu một cách hệ thống



(1) Giúp người dân xác định nhu cầu:

- Hỏi người dân liệu sẽ cần làm gì để thay đổi cộng đồng giống như cộng đồng họ mong muốn? Tại sao lại muốn làm điều đó?
- Liệt kê những mong muốn này cho tất cả các thành viên thấy;
- Kết luận: đây là những nhu cầu của cộng đồng

(2) Sắp xếp thứ tự ưu tiên

- Cần giải thích cho người dân hiểu tại sao phải sắp xếp thứ tự nhu cầu ưu tiên: có những nhu cầu cần được giải quyết cấp bách nếu không ảnh hưởng lớn tới cộng đồng; có những nhu cầu khi được giải quyết trước sẽ thúc đẩy cho việc đáp ứng các nhu cầu khác.
- Giúp người dân cách thức xác định nhu cầu ưu tiên:
 - + Sử dụng lại bảng tổng kết về các nhu cầu được xác định trong phần trước, tùy theo thời gian dành để xác định nhu cầu ưu tiên để quyết định phương pháp phù hợp: Khi thời gian ít, có thể yêu cầu mỗi cá nhân tự đánh dấu lựa chọn nhu cầu mà họ cho là ưu tiên trong bản thống kê được cung cấp, sau đó cùng tổng hợp; nếu có đủ thời gian để thảo luận, chia thành từng nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và lựa chọn vấn đề nào ưu tiên đối với họ.
 - + Yêu cầu người tham gia cuộc họp dùng thang điểm 10 để đánh giá: điểm 10 là nhu cầu cần ưu tiên nhất, điểm 1 là ít ưu tiên nhất; hoặc cũng có thể sử dụng các công cụ khác như que nhỏ, hay những hạt ngô, quả nhỏ để nói lên mức độ xác định nhu cầu ưu tiên bằng cách bỏ số hạt/quả/ nhiều nhất cho nhu cầu được xác định là cần ưu tiên.
 - + Sau đó, cử đại diện và cùng người dân tổng hợp lại tổng số điểm cho mỗi nhu cầu của cá nhân hoặc nhóm người đánh giá.

Một phương pháp khác để đánh giá nhu cầu ưu tiên là sử dụng bảng lượng giá tầm quan trọng tương đối của các nhu cầu khác nhau.

Nhu cầu	Mức độ phổ biến (rất nhiều người muốn được đáp ứng)	Mức độ nghiêm trọng (nếu không được đáp ứng sẽ gây ảnh hưởng lớn tới cộng đồng)	Mức độ quan trọng (ảnh hưởng lan tỏa trong tương lai)	Mức độ ưu tiên
Xây dựng hố xí hợp vệ sinh	xx	x	xx	5
Xây dựng thùng rác nơi công cộng	xxx	x	xxx	7

(3) Cân đối các nhu cầu:

Khi cân đối các nhu cầu, cần hướng dẫn cho người dân biết biết:

- Cân đối các nhu cầu là việc phân tích các điểm mạnh điểm hạn chế, lợi ích của việc lựa chọn một nhu cầu nào đó là nhu cầu cần được ưu tiên nhất hoặc nhì, vvv. Qua đó sẽ đưa ra quyết định thứ tự ưu tiên của các nhu cầu.
- Khi cân đối các nhu cầu cần phải xem xét mọi khía cạnh khác của kế hoạch liên quan tới: khả năng nguồn lực và sự quan tâm của lãnh đạo địa phương và dự án tài trợ với việc đáp ứng nhu cầu này. Có nghĩa là nếu nhu cầu đó thực sự đang được là điều mà chính quyền địa phương có kế hoạch dự trù ngân sách, hoặc dự án đang mong muốn được thực hiện như nhiệm vụ kế hoạch của họ tại thời điểm đó ở địa phương.
- Sau khi xem xét được những điều này một cách toàn diện, yêu cầu người dân đưa ra quyết định cuối cùng về thứ tự ưu tiên của nhu cầu cần đáp ứng.

Lập kế hoạch xác định nhu cầu

- Cần giúp người dân có các phân tích một cách hệ thống khi xây dựng kế hoạch, đó là:
 - + Giúp họ chỉ ra được mục tiêu tổng quát, và mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu tổng quát: Xác định một cách khái quát mong đợi cuối cùng sau khi thực hiện kế hoạch cộng đồng là gì, có thể sử dụng: nâng cao mức sống cho người dân tại thôn... hoặc: Đảm bảo an toàn vệ sinh khu dân cư...

Mục tiêu cụ thể: Cần gắn với nhu cầu và đảm bảo 5 tiêu chí: cụ thể, có thể đo lường được, có tính thực tiễn, có tính khả thi, có thời gian xác định

Hướng dẫn cho người dân biết các mục tiêu cụ thể cần trả lời được các câu hỏi sau:

- Ai: ai là người hưởng thụ?
- Cái gì: cần phải có những hành động, công việc cần được thực hiện là gì?
- Bao nhiêu: cần đưa con số cụ thể trong mục tiêu (ví dụ: 3 phòng tạm lánh; sau 15 ngày thân chủ có được thói quen uống thuốc đều đặn...)
- Khi nào: Mốc, khoảng thời gian thực hiện dự án (Vd: trong vòng 2 năm, Tới tháng 1 năm 2018...)
- Ở đâu: Địa điểm hoạt động được diễn ra (Vd: Tại gia đình TC, tại trạm y tế xã...)

Lượng định tài nguyên và những cản trở

Cần giúp người dân hiểu rõ khi lên kế hoạch thực hiện một dự án tại cộng đồng cần phải biết rõ về:

- Các nguồn tài nguyên cần thiết là gì?
- Các nguồn tài nguyên sẵn có trong cộng đồng là gì?
- Các nguồn tài nguyên có thể huy động từ bên ngoài là gì?
- Các phương pháp thức sử dụng tối đa các nguồn tài nguyên đó là gì?

Nhắc lại cho người dân biết có 3 nguồn tài nguyên chính trong cộng đồng (trong phần nguồn lực đã được đề cập)

- Nguồn tài nguyên vật chất
- Nguồn tài nguyên là các thiết chế
- Nguồn tài nguyên con người

Lên kế hoạch hoạt động

Khi lên kế hoạch cần thực hiện các bước sau:

- (1) Xác định hoạt động
- (2) Lập trình thứ tự cho các hoạt động
- (3) Lên khung thời gian cho hoạt động
- (4) Phân công trách nhiệm thực hiện các hoạt động
- (5) Lượng định những phương tiện, thiết bị và dịch vụ cần phải có
- (6) Chuẩn bị kinh phí.

Điều quan trọng không thể bỏ qua là việc dự định các giải pháp dự phòng. Nói cho người dân biết, sẽ có nhiều tình huống xảy ra và có thể ảnh hưởng tới kế hoạch, có thể đó là sự thay đổi về thời gian (do vấn đề thời tiết không thuận lợi, phù hợp cho việc thực hiện hoạt động...) do người tham gia có vấn đề đột xuất về sức khỏe... do một biến cố bất thường nào đó khiến cho kế hoạch ban đầu không thực hiện được (ở một hoặc nhiều hoạt động nào đó. Vì vậy để có khả năng đối phó với những rủi ro có thể xảy ra này đòi hỏi phải có giải pháp dự phòng cho nó.

Thực hiện dự án

Khi thực hiện dự án cần đảm bảo:

- (1) Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng:
 - Một dự án được gọi là dự án PTCD khi nó xuất phát từ nhu cầu cộng đồng, được thực hiện và giám sát bởi những người dân và chính quyền trong cộng đồng đó. NVXH là tác viên cộng đồng giữ vai trò là người xúc tác, do vậy, không có sự tham gia của cộng đồng thể hiện chất xúc tác đó không hiệu quả vì không liên kết được các thành viên, các nhóm trong cộng đồng với nhau.
 - Cần lưu ý sự tham gia này thường bắt đầu từ một vài cá nhân "cấp tiến" trong cộng đồng những người quan tâm tới vấn đề cộng đồng, mong muốn giải quyết các vấn

để này. Sau đó, chính những cá nhân này là người lôi kéo các thành viên khác vào các hoạt động chung.

(2) Đảm bảo tốt công tác phối hợp:

- Công tác phối hợp ám chỉ tới việc vào cuộc của các nhóm, các đại diện của các tổ chức được diễn ra có kế hoạch, tuân thủ các kế hoạch và hỗ trợ nhau giải thực hiện công việc một cách hiệu quả. Mỗi cá nhân, tổ chức tham gia vào kế hoạch giải quyết vấn đề cộng đồng đặt lợi ích của cộng đồng lên trên hết.

(3) Giám sát tốt các hoạt động thực hiện trong dự án:

- Giám sát các hoạt động trong dự án được thực hiện suốt trong tiến trình để đảm bảo rằng các nội dung đang được thực hiện đúng tiến độ. Giám sát giúp cho việc điều chỉnh, bổ sung các hoạt động cần thiết khi xuất hiện các vấn đề chưa được tính đến tại thời điểm xây dựng kế hoạch.
- Giám sát cần phải được thực hiện bởi nhiều thành phần, trong đó người dân là nhân tố không thể thiếu được.
- Kết quả của giám sát cần được thể hiện một cách công khai trước người dân trong cộng đồng;
- Khi giám sát xuất hiện những sự cố bất thường, cần phải làm việc lại với người dân để đưa ra các quyết định điều chỉnh.

(4) Xử lý tốt các tình huống phát sinh

- Có 2 loại tình huống phát sinh: (1) đã nằm trong dự tính và (2) chưa tính tới trong kế hoạch ban đầu. Với tình huống đã có trong dự phòng, các hoạt động có thể được thực hiện theo kế hoạch dự phòng; với loại tình huống không nằm trong dự phòng, Ban dự án cần có sự bàn bạc và nghe ý kiến của người dân trước khi đưa ra giải pháp.

Giám sát và lượng giá

- Kết quả của giám sát là một phần để đánh giá thực hiện dự án. Tuy vậy, việc lượng giá vào cuối chương trình hành động cần được thực hiện vì nó mang nhiều ý nghĩa khác ngoài ý nghĩa đánh giá kết quả đạt được.
- Việc lượng giá có sự tham gia của mọi thành phần trong cộng đồng thể hiện sự minh bạch suốt từ khi bắt đầu dự án cho tới khi kết thúc;
- Lượng giá là thời điểm khiến cho các thành phần tham gia từ cá nhân hay nhóm, tổ chức thấy được thành quả về sự tham gia của họ. Ban dự án phát triển cộng đồng nhân dịp này ca tụng sự tham gia của họ để khích lệ họ tiếp tục với những dự án tiếp theo.
- Với ý nghĩa quan trọng như vậy, nhóm nòng cốt cùng lãnh đạo địa phương cần cần nhắc hình thức và nội dung lượng giá để đạt hiệu quả như mong muốn. Những phương pháp lượng giá thông thường là tổ chức các buổi họp với từng nhóm nhỏ để chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của mình với thành công của cộng đồng trong dự án, những bài học rút ra từ hoạt động dự án; ... Sau khi mỗi nhóm nhỏ tổng hợp lại chia sẻ của cả nhóm, có thể tổ chức hội thảo đồng hơn với nhiều thành phần trong cộng đồng tham gia hơn để nhằm công bố về những thành công, qua đó lôi kéo thêm nhiều người hơn nữa để tham gia vào các dự án sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Oanh (1995) Phát triển cộng đồng. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Mở- Bán công Tp Hồ Chí Minh. Khoa Phụ nữ học.
2. Nguyễn Thị Oanh, 1995, Tâm lý truyền thông và giao tiếp, ĐH Mở BC TP. HCM
3. Nguyễn Thị Oanh, 1998, Công tác xã hội đại cương, NXB Giáo dục
4. Nguyễn Thị Oanh, 2007, Làm việc theo nhóm, NXB Trẻ
5. Nguyễn Ngọc Lâm, 2006, Công tác xã hội nhóm, ĐH Mở TP. HCM
6. Nguyễn Ngọc Lâm, 2002, Kỹ năng xây dựng và quản lý dự án, ĐH Mở TP. HCM
7. Nguyễn Kim Liên (2009) Phát triển cộng đồng. Giáo trình giảng dạy. NXB Lao động- Xã hội
8. Nguyễn T T Lan, Nguyễn T Thanh Hương (2013) Công tác xã hội nhóm (Tái bản lần 1). NXH Lao động- Xã hội.
9. Tô Duy Hợp (1994) Phát triển cộng đồng: Lý thuyết và thực hành. NXB Văn hóa
10. Roger Moyson, Phạm Đình Thái (dịch), 2000, Lãnh đạo là phát triển tiềm năng của người cộng tác, NXB Trẻ
11. Actionaid 2007. Phương pháp tiếp cận giáo dục- Phát triển cộng đồng (Tài liệu tham khảo). NXB Giáo dục.